

Chỉ đạo nội dung:

Thượng tá, Thạc sỹ Mạc Thùy Dương

Biên tập:

Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:

Đại úy QNCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:

Trung úy, Kỹ sư Nguyễn Văn Nam

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về, Thư viện Quân đội biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 5 - 2023.

Thư mục gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.
- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI
83 Lý Nam Đế - Hà Nội
Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com

Website: Thuvienquandoi.vn

Tvqd.bqp

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. Bảo tàng với di sản văn hóa ở lưu vực sông Mê Công và sông Hằng trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. - Huế: Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 2012. - 80tr.; cm.

069 B108T/T.0024649

002. Bảo vệ an ninh, trật tự ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số/ Nguyễn Anh Tuấn. - H.: Công an nhân dân, 2023. - 303tr.; 21cm.

005.8 B108V/M.0181483 - M.0181484; MP.0040519; VN.0083790 - VN.0083791

003. Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn - Nền văn minh cổ đại/ Tony Hưng. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 127tr.; 21cm.

001.94 B300Â/M.0180602 - M.0180603; MP.0040078 - MP.0040079

004. Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn - Những nơi bí ẩn nhất hành tinh/ Tony Hưng. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 158tr.; 21cm.

001.94 B300Â/M.0180592 - M.0180593; MP.0040068 - MP.0040069

005. Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn - Siêu nhiên kỳ bí/ Tony Hưng. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 111tr.; 21cm.

001.94 B300Â/M.0180600 - M.0180601; MP.0040076 - MP.0040077

006. Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn - Sự sống và cái chết/ Tony Hưng. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 158tr.; 21cm.

001.94 B300Â/M.0180594 - M.0180595; MP.0040070 - MP.0040071

007. *Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn - Sức mạnh tâm linh/ Tony Hưng.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 103tr.; 21cm.

001.94 B300Â/M.0180596 - M.0180597; MP.0040072 - MP.0040073

008. *Bí ẩn mãi mãi là bí ẩn - Tôn giáo tâm linh/ Tony Hưng.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 94tr.; 21cm.

001.94 B300Â/M.0180598 - M.0180599; MP.0040074 - MP.0040075

009. *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Chuyển đổi số trong hệ thống thư viện Quân đội nhân dân Việt Nam: Hướng tới Kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống Thư viện Quân đội (15/11/1957 - 15/11/2022).* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 424tr.; 22cm.

026.355009597 K600Y/LC.0016643 - LC.0016644

010. *Vai trò của báo chí, xuất bản trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng: Kỷ yếu hội thảo khoa học.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 693tr.; 24cm.

070.4 V103T/VV.0019548

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

011. *Thiên thời địa lợi nhân hòa: Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa/ Bạch Huyết; Ng.dịch: Nguyễn An, Nguyễn Văn Mậu.* - H.: Hồng Đức, 2022. - 963tr.; 24cm.

133 Th305T/VV.0019283 - VV.0019284

012. *Triết học = Philosophy: Khái lược những tư tưởng lớn/ Lê Ngọc Tân dịch.* - Tái bản. - H.: Dân trí, 2022. - 352tr.; 24cm.

100 Tr308H/M.0181135 - M.0181136; VV.0019393 - VV.0019394

150 – Tâm lý học

013. *Cảm xúc = Emotional wellness*: Chuyển hóa nỗi sợ hãi, giận dữ và ghen tuông thành năng lượng sáng tạo/ *Osho; Lâm Đặng Cam Thảo dịch*. - H.: Dân trí, 2022. - 407tr.; 21cm.

152.4 C104X/M.0181451 - M.0181452; VN.0083744 - VN.0083745

014. *Người nhạy cảm và hành trình đi tìm bình yên*/ PhD Karyn D. Hall; Ngọc Đoan Trang dịch. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 330tr.; 20cm.

152.4 Ng558N/M.0180606 - M.0180607; MP.0040082 - MP.0040083

015. *Tâm lý học = Psychology*: Khái lược những tư tưởng lớn/ *Nguyễn Bảo Trung dịch*. - H.: Dân trí, 2022. - 352tr.; 24cm.

150 T120L/M.0181132 - M.0181133; VV.0019389 - VV.0019390

153 – Quá trình thần kinh có ý thức và trí thông minh

016. *Năng lực của sự ngu ngốc*/ Dave Trott; Dương Thảo Anh dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 278tr.; 22cm.

153.35 N116L/M.0181443 - M.0181444; MP.0040513

017. *Nâng tầm tư duy với phương pháp ghi nhớ 1 phút*/ Takashi Ishii; Ng.dịch: Hà Vi, nhóm Sóc Xanh. - H.: Dân trí, 2022. - 194tr.; 21cm.

153.122 N122T/M.0181463 - M.0181464

018. *Nghệ thuật ghi chép 1 phút*/ Takashi Ishii; Ng.dịch: Hồ Thị Mỹ Trang, nhóm Sóc Xanh. - H.: Dân trí, 2022. - 169tr.; 21cm.

153.14 Ngh250T/M.0181457 - M.0181458

019. *Nghệ thuật lôi cuốn đối phương trò chuyện 1 phút*/ Takashi Ishii; Ng.dịch: Hồ Thị Mỹ Trang, nhóm Sóc Xanh. - H.: Dân trí, 2022. - 188tr.; 21cm.. - (Sách trong chương trình đầu tư sáng tác văn học của Bộ Quốc phòng - Năm 2022)

153.6 Ngh250T/M.0181469 - M.0181470

020. *Rèn kỹ năng giải quyết vấn đề 1 phút*/ Katsumi Nishimura; Ng.dịch: Lại Thị Dung, nhóm Sóc Xanh. - H.: Dân trí, 2022. - 251tr.; 21cm.

153.43 R203K/M.0181471 - M.0181472

021. *Rèn luyện kỹ năng tư duy logic 1 phút*/ Katsumi Nishimura; Ng.dịch: Phan Thị Hồng Hạnh, nhóm Sóc Xanh. - H.: Dân trí, 2022. - 230tr.; 21cm.

153.42 R203L/M.0181465 - M.0181466

022. *Tư duy siêu hình = Super model thinking*/ Gabriel Weinberg, Lauren McCann; Lý Kỳ Hình dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 455tr.; 24cm.

153.42 T550D/M.0181143 - M.0181144

023. *7 loại hình thông minh = Seven kinds of smart*: Nhận biết và phát triển trí năng tiềm ẩn/ Thomas Armstrong; Ng.dịch: Mạnh Hải, Thu Hiền. - H.: Công thương, 2022. - 323tr.; 24cm.

153.9 B126L/M.0181370 - M.0181371; VV.0019473 - VV.0019474

155 – Tâm lý học khác biệt và phát triển

024. *Người hướng nội trong thế giới hướng ngoại*/ Insook Nam; Ngọc Diệp dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 197tr.; 21cm.

155.232 Ng558H/M.0181110 - M.0181111

025. *Tâm lý học về sự tự tôn/ Yoon Hong Gyun; Pún dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 366tr.; 21cm.

155.26 T120L/M.0181447 - M.0181448; MP.0040514

026. *Tận cùng của nỗi đau/ PhD Joseph Burgo; Lam Anh dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 388tr.; 20cm.

155.2 T121C/M.0180604 - M.0180605; MP.0040080 - MP.0040081

027. *Trưởng thành lấy đi điều gì?/ Gari.* - Tái bản lần 2. - H.: Thế giới, 2018. - 244tr.; 21cm.

155.5 Tr561T/M.0180939

158 – Tâm lý học ứng dụng

028. *Dám bị ghét/ Kishimi Ichiro; Nguyễn Thanh Vân dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 333tr.; 21cm.

158 D104B/M.0181116 - M.0181117

029. *Đạo lý làm người/ Lan Phương.* - H.: Dân trí, 2022. - 431tr.; 21cm.

158.1 Đ108L/M.0181361

030. *Điều vĩ đại đời thường/ Robin Sharma; Phạm Anh Tuấn dịch.* - In lần thứ 14. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 272tr.; 20cm.

158.1 Đ309V/M.0180424 - M.0180425; MP.0039896 - MP.0039897

031. *Everything is workable = Mọi việc đều có thể giải quyết/ Diane Musho Hamilton; Quế Chi dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 336tr.; 21cm.

158.1 E207I/M.0181112 - M.0181113

032. *Flow - Dòng chảy: Tâm lý học hiện đại trải nghiệm tối ưu/*

Mihaly Csikszentmihalyi; Huỳnh Hiếu Thuận dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 551tr.; 21cm.

158 F000D/M.0181098 - M.0181099; MP.0040452

033. *Giáo dục là tình yêu/ Phạm, Catherine YẾN.* - H.: Dân trí, 2022. - 370tr.; 21cm.

158 Gi-108D/M.0181106 - M.0181107

034. *Mong thanh xuân không phụ ước mơ/ Du Mẫn Hồng; Phan Lưu Ly dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 271tr.; 21cm.

158.1 M431T/M.0180578 - M.0180579; MP.0040054 - MP.0040055

035. *Nơi bàn ăn kể chuyện chữa lành:* Sự chữa lành là sợi dây kết nối và thức tỉnh chúng ta/ *Rachel Naomi Remen; Diễm Dũng dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 470tr.; 21cm.

158 N462B/M.0180944 - M.0180945; MP.0040376 - MP.0040377

036. *Quyết đoán trong 1 phút/ Takashi Ishii; Dịch: Hannah Phan, nhóm Sốc Xanh.* - H.: Dân trí, 2022. - 173tr.; 21cm.

158.2 Qu605D/M.0181467 - M.0181468

037. *Sống thực tế giữa đời thực dụng/ Mễ Mông; Bùi Nhung dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 357tr.; 21cm.

158 S455T/M.0181096 - M.0181097; MP.0040451

038. *Thái Căn Đàm:* Tinh hoa đối nhân xử thế của cổ nhân (Đối chiếu Hán - Việt phiên âm kèm chữ Hán)/ *Hồng Ứng Minh; Phạm Hồng dịch.* - H.: Dân Trí, 2023. - 315tr.; 21cm.

158.1 Th103C/M.0181534 - M.0181535; MP.0040542 - MP.0040543; VN.0083853 - VN.0083854

039. *Thay đổi thói quen thay đổi cuộc đời/ Mai Duyên.* - H.: Dân trí, 2022. - 199tr.; 21cm.

158 Th112Đ/M.0181126 - M.0181127; MP.0040455

040. *Tôi không cho phép người khác làm tổn thương mình nữa/ Kim Byungsu; Thảo Phương dịch.* - H.: Thanh Niên, 2021. - 237tr.; 20cm.

158.1 T452K/M.0180610 - M.0180611; MP.0040086 - MP.0040087

041. *Trong thế giới lạnh lẽo này, mong bạn vẫn ấm áp như thuở ban đầu/ Ôn Đông; Mai Phương dịch.* - H.: Thanh niên, 2021. - 212tr.; 21cm.

158 Tr431T/M.0180590 - M.0180591; MP.0040066 - MP.0040067

180 – Triết học cổ đại, trung cổ, phương Đông

042. *Những triết gia vĩ đại/ Karl Jaspers; Trần Bửu Tuấn dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 216tr.; 21cm.

180.0922 Nh556T/M.0180674 - M.0180675; MP.0040150 - MP.0040151; VN.0083516 - VN.0083517

200 - TÔN GIÁO

043. *Chính sách tôn giáo của Mỹ và góc nhìn tham chiếu với Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Phạm Thanh Hằng.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. - 282tr.; 21cm.

200.973 Ch312S/M.0181520 - M.0181521; MP.0040528 - MP.0040529; VN.0083839 - VN.0083840

044. *Đệ tử quy: Phép tắc người con/ Lý Dục Tú; Phạm Hồng dịch.* - Tái bản. - H.: Dân trí, 2022. - 279tr.; 21cm.

299.51 Đ250T/M.0181100 - M.0181101; MP.0040453; VN.0083660 - VN.0083661

045. *Thờ cúng tổ tiên của người Việt Công giáo*: Nghiên cứu trường hợp giáo xứ Kẽ Sắt, Hải Dương/ *Vũ Thị Thanh Tâm*. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 218tr.; 24cm.

248.309597

Th460C/VV.0019583 - VV.0019584

046. *Tôn giáo = Religions*: Khái lược những tư tưởng lớn/ *Nguyễn Minh dịch*. - H.: Dân trí, 2022. - 352tr.; 24cm.

200

T454G/M.0181134; VV.0019391 - VV.0019392

047. *Phúc lành của ông tôi/ Rachel Naomi Remen*; Ng. dịch: Hà Ly, Hoàng Quyên. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 495tr.; 21cm.

296.72

Ph506L/M.0180952 - M.0180953; MP.0040384

- MP.0040385

048. *Yêu = Being in love*: Yêu trong tình thức, gắn bó trong niềm tin/ *Osho; Lâm Đặng Cam Thảo dịch*. - H.: Dân trí, 2022. - 350tr.; 21cm.

299.93

Y606/M.0181459 - M.0181460; VN.0083746 -

VN.0083747

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

302 – Tương tác xã hội

049. *Đàm phán theo phong cách Happy - Happy*: Năm kỹ năng chốt đầu được đẩy/ *Lars - Johan Age; Khánh Tiên dịch*. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 291tr.; 21cm.

302.3

Đ104P/M.0180430 - M.0180431; MP.0039902 -

MP.0039903

050. *Fake news và chống fake news*: Vì sao cái giả hấp dẫn hơn cái thật ?/ *Đỗ Đình Tấn*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 319tr.; 21cm.

**302 F103N/M.0180676 - M.0180677; MP.0040152;
VN.0083518 - VN.0083519**

051. *Niềm tin xã hội*: Lý luận và thực tiễn/ *Đoàn Triệu Long*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 540tr.; 24cm.

302 N304T/VV.0019546

052. *Vấn đề đám đông hiệu ứng đám đông trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam*: Từ lý luận đến thực tiễn/ *Nguyễn Mạnh Dũng chủ biên*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 371tr.; 24cm.

302.33 V121Đ/VV.0019550

303 – *Quá trình xã hội*

053 *Khai sáng thời hiện đại*: Bàn về lý trí, khoa học, chủ nghĩa nhân văn và tiến bộ/ *Steven Pinker*; *Đào Quốc Minh dịch*. - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2022. - 760tr.; 24cm.

**303.44 Kh103S/M.0181386 - M.0181387; VV.0019485
- VV.0019486**

054. *Phát triển kỹ năng và nghệ thuật lãnh đạo*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 519tr.; 24cm.

**303.34 Ph110T/M.0181084 - M.0181085;
MP.0040446; VV.0019244 - VV.0019245**

055. *Sử dụng dư luận xã hội phục vụ hoạt động lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện các tỉnh phía Bắc nước ta hiện nay*: Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019/ *Trần Thị Minh Ngọc*. - H.: Học viện Chính trị Khu vực I, 2019. - 98tr.; 30cm

303.38 S550D/T.0024708

305 – Nhóm người

056. *Bác Hồ với học sinh, sinh viên.* - H.: Dân trí, 2022. - 215tr.; 21cm.

305.235 B101H/M.0181449 - M.0181450; VN.0083748 - VN.0083749

057. *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nông dân và định hướng vận dụng ở Việt Nam hiện nay/* *Chủ biên: Nguyễn Duy Tiên, Nguyễn Trọng Tiến.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 195tr.; 21cm.

305.5633 Qu105Đ/LC.0016701; M.0180892 - M.0180893; MP.0040326; VN.0083552 - VN.0083553

058. *Tộc người với quốc gia - dân tộc trong phát triển ở Việt Nam hiện nay/* *Vương Xuân Tình.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 967tr.; 24cm.

305.8009597 T451N/VV.0019593 - VV.0019594

059. *10 điều khác biệt nhất giữa kẻ làm chủ người làm thuê/* *Keith Cameron Smith; Khánh Chương dịch.* - H.: Dân trí, 2022. - 197tr.; 21cm.

305.5234 M558Đ/M.0181128 - M.0181129; MP.0040456

306 – Văn hóa và thể chế

060. *Các giá trị văn hóa Việt Nam chuyển từ truyền thống đến hiện đại/* *Đỗ Huy.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 409tr.; 24cm.

306.09597 C101G/M.0180172 - M.0180173; MP.0039648 - MP.0039649; VV.0019183 - VV.0019184

061. *Cẩm nang gia đình Việt/* *Nguyễn Thị Phương Hoa, Nguyễn Thị Chính.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 133tr.; 21cm.

306.8509597 C120N/M.0180074 - M.0180075; MP.0039573 - MP.0039574

062. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh - Đảng đã lãnh đạo và phát triển văn hóa Việt Nam/ Đỗ Huy. - H.: Hồng Đức, 2021. - 346tr.; 24cm.

306.09597 D558A/M.0180192 - M.0180193; MP.0039668 - MP.0039669; VV.0019187 - VV.0019188

063. Hệ giá trị Việt Nam - Từ truyền thống đến hiện đại/ Trần Ngọc Thêm. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 591tr.; 24cm.

306.09597 H250G/M.0180668 - M.0180669; MP.0040144 - MP.0040145; VV.0019258 - VV.0019259

064. Mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa: Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay/ Lê Quốc Lý, Lê Quốc. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 303tr.; 24cm.

306.09597 M452Q/M.0181090 - M.0181091; MP.0040449; VV.0019271 - VV.0019272

065. Nhân cách văn hóa trong bảng giá trị Việt Nam/ Đỗ Huy chủ biên; Lê Quang Thiêm, Chu Khắc. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 374tr.; 24cm.

306.09597 Nh121C/M.0180170 - M.0180171; MP.0039646 - MP.0039647; VV.0019181 - VV.0019182

066. Văn hóa động lực và hệ điều tiết sự phát triển/ Đinh Xuân Dũng. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 347tr.; 24cm.

306.09597 V115H/M.0181088 - M.0181089; MP.0040448; VV.0019269 - VV.0019270

067. Văn hóa gia đình Việt Nam/ Vũ Ngọc Khánh. - H.: Văn hóa dân tộc, 2021. - 247tr.; 21cm.

306.8509597 V115H/M.0180196 - M.0180197; MP.0039672 - MP.0039673

068. *Xây dựng lối sống văn hóa truyền thống và hiện đại trong gia đình ở nông thôn và đô thị/ Đỗ Huy.* - H.: Hồng Đức, 2021. - 262tr.; 24cm.

**306.85209597 X126D/M.0180176 - M.0180177;
MP.0039652 - MP.0039653**

320 – Khoa học Chính trị

069. *Hoàng Sa, Trường Sa chủ quyền của Việt Nam - Tư liệu và sự thật lịch sử/ Nguyễn Quang Ngọc.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2022. - 267tr.; 24cm.

**320.1509597 H407S/M.0180174 - M.0180175;
MP.0039650 - MP.0039651; VV.0019185 - VV.0019186**

070. *Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử Việt Nam/ Đỗ Bang chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 299tr.; 24cm.

**320.1509597 H407S/M.0180186 - M.0180187;
MP.0039662 - MP.0039663; VV.0019197 - VV.0019198**

071. *Lôgích pháp trị trong quá trình hiện đại hóa quản lý đất nước: Sách tham khảo/ Vương Tĩnh; Vũ Thị Thìn dịch.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 375tr.; 24cm.

320.40951 L451P/VV.0019544

072. *Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Tuyết Mai chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 231tr.; 21cm.

**320.109597 Nh556V/M.0180070 - M.0180071;
MP.0039569 - MP.0039570; VN.0083292 - VN.0083293**

073. *Phân tích chính sách công - Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam: Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2018/ Lê Văn Chiến.* - H.: Viện Lãnh đạo Học viện và Chính sách công, 2018. - 98tr.; 30cm + + phụ lục

320.609597

Ph121T/T.0024703

074. Sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong thời kỳ đổi mới/ Chủ biên: Nguyễn Trung Thông, Vũ Thành Trung. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 150tr.; 21cm.

320.1509597

S550P/LC.0016527 - LC.0016528;

M.0180492 - M.0180493; MP.0039983; VN.0083461 - VN.0083462

324 – Quá trình chính trị

075. Ánh sáng niềm tin: Chính luận và tiêu phẩm/ Nguyễn Mạnh Thắng. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 196tr.; 21cm.

324.2597075

A107S/LC.0016729 - LC.0016730;

M.0181620 - M.0181621; MP.0040586; VN.0083926 - VN.0083927

076. Công tác dân vận - Những điểm mới theo văn kiện Đại hội XII của Đảng và quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Bộ chính trị về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 135tr.; 21cm.

324.2597075

C455T/M.0180076 - M.0180077;

MP.0039575 - MP.0039576; VN.0083294 - VN.0083295

077. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954): Sách chuyên khảo/ Nguyễn Mạnh Hà. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 315tr.; 21cm.

324.2597075

Đ106C/M.0180058 - M.0180059;

MP.0039558 - MP.0039559; VN.0083286 - VN.0083287

078. Góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm, luận điệu sai trái, thù địch chống phá Đại hội XIII/ Lê Thế Cường. - H.: Công an nhân dân, 2023. - 335tr.; 21cm.

324.2597075

G434P/M.0181479 - M.0181480;

MP.0040517; VN.0083786 - VN.0083787

079. Hỏi - đáp môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị/ *Nguyễn Trọng Phúc chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 298tr.; 21cm.

324.2597075

H428Đ/M.0180066 - M.0180067;

MP.0039565 - MP.0039566; VN.0083300 - VN.0083301

080. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh/ *Nguyễn Phú Trọng.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023. - 623tr.; 24cm.

324.2597075

K305Q/M.0181544 - M.0181545;

MP.0040548 - MP.0040549; VV.0019504 - VV.0019505,

VV.0019579 - VV.0019580

081. Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị Lực lượng vũ trang Quân khu 4 (2001-2020)/ *Biên soạn: Lưu Công Thắng, Hà Ngọc Sơn, Nguyễn Hồng Thanh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 567tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0016666; MP.0040333;

VN.0083542 - VN.0083543

082. Lịch sử Đảng bộ phường 5, quận 3 (1975-2015)/ *Biên soạn: Mai Tấn Đạt, Lê Thị Hồng,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 247tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0016671; M.0180900 -

M.0180901; MP.0040332; VN.0083544 - VN.0083545

083. Lịch sử Đảng bộ quân sự huyện Phù Cừ (1947-2022). - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 532tr.; 21cm.

324.2597075

L302S/LC.0016544; VN.0083784 -

VN.0083785, VN.0083984 - VN.0083985

084. Lịch sử Đảng bộ quân sự thành phố Bắc Kạn (1990 - 2020)/ *Biên soạn: Triệu Quang Duy, Lương Ngọc Thắng, Nguyễn Minh Tuấn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 308tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0040574; VN.0083900 -
VN.0083901

085. *Lịch sử Đảng bộ Trường Quân sự Quân khu 1 (1947 - 2020).* -
H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 508tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0016770; VN.0083778 -
VN.0083779, VN.0083988 - VN.0083989

**086. *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân
phường 6 - Gò Vấp (1930-2020).*** - H.: Quân đội nhân dân, 2022. -
289tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0040329 - MP.0040330;
VN.0083548 - VN.0083549

**087. *Một số vấn đề mới về lý luận trong Văn kiện Đại hội lần thứ
XIII của Đảng.*** - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 203tr.; 21cm.

324.2597075 M458S/LC.0016529 - LC.0016530;
M.0180486 - M.0180487; MP.0039978; VN.0083453 - VN.0083454

**088. *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới trong văn kiện Đại hội
XIII của Đảng/ Lê Hữu Nghĩa.*** - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022.
- 519tr.; 24cm.

324.2597075 Nh556V/VV.0019547

**089. *Quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện - Thành tựu và kinh
nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng Cộng sản Trung
Quốc từ sau Đại hội XVIII/ Ng.dịch: Trần Thu Minh, Chu Thùy Liên,
Trịnh Quốc Hùng.*** - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 544tr.;
21cm.

324.251075 Qu105T/M.0181530 - M.0181531;
MP.0040538 - MP.0040539; VN.0083849 - VN.0083850

090. *Quy định về kỷ luật tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm.* - H.:
Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. - 252tr.; 21cm.

324.2597075 Qu600Đ/M.0181522 - M.0181523;
MP.0040530 - MP.0040531; VN.0083841 - VN.0083842

091. *Sự thật không thể xuyên tạc/ Nguyễn Bá Dương.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 250tr.; 21cm.

324.2597075 S550T/LC.0016678 - LC.0016679;
M.0180888 - M.0180889; MP.0040322; VN.0083558 - VN.0083559

092. *Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên mới trong quân đội/ Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 368tr.; 21cm.

324.2597075 T103L/LC.0016655 - LC.0016656;
MP.0040334; VN.0083584 - VN.0083585

093. *Tài liệu bồi dưỡng nhận thức về Đảng dành cho đối tượng kết nạp Đảng/ Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 216tr.; 19cm.

324.2597075 T103L/LC.0016699 - LC.0016700;
MP.0040312 - MP.0040313; VN.0083576 - VN.0083577

094. *Tài liệu công tác đảng, công tác chính trị:* Dùng cho đào tạo nhân viên chuyên môn kỹ thuật trình độ trung cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đối tượng 24 tháng/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 200tr.; 27cm.

324.2597075 T103L/LCV.0002768 - LCV.0002769;
MP.0039963 - MP.0039964

095. *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII:* Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. - 367tr.; 19cm.

324.2597075 T103L/M.0181783 - M.0181784;
MP.0040659 - MP.0040660; VN.0083838, VN.0084028

096. *Thanh niên với vai trò bảo vệ quốc phòng và an ninh của tổ*

quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa/ Lê Tấn Tới chủ biên. - H.: Công an nhân dân, 2022. - 567tr.; 21cm.

**324.2597014 Th107N/M.0180946 - M.0180947;
MP.0040378 - MP.0040379; VN.0083602 - VN.0083603**

097. Vận dụng bài học kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về lãnh đạo phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc trong nâng cao chất lượng công tác vận động quần chúng giai đoạn hiện nay: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu (Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019)/ *Nguyễn Thị Thanh Huyền.* - H.: Học viện Chính trị Khu vực I, 2019. - 199tr.; 30cm + + phụ lục

324.2597075 V121D/T.0024707

098. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo sự chỉ dẫn của tư tưởng Hồ Chí Minh/ Mạch Quang Thắng. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 331tr.; 21cm.

**324.2597075 X126D/M.0180672 - M.0180673;
MP.0040148 - MP.0040149; VN.0083514 - VN.0083515**

099. Xây dựng Đảng về đạo đức - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Vĩnh Thanh chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 254tr.; 24cm.

**324.2597075 X126D/M.0181542 - M.0181543;
MP.0040546 - MP.0040547; VV.0019549, VV.0019577 -
VV.0019578**

327 – Quan hệ quốc tế

100. ASIA - Europe Cooperation and the role of Vietnam/ Nguyen Duy Quy. - H.: National Political Publishers, 2004. - 387tr.; 30cm

327.504 A109E/T.0024648

101. Ba vấn đề nan giải của Trung Quốc do hành động quân sự của

Nga tại Ukraine/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2022. - 123tr.; 30cm
327 B100V/T.0024696

102. *Biển Đông với những chính sách mới của Trung Quốc.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 137tr.; 30cm
327.51 B305Đ/T.0024660

103. *Châu Á hợp tác khu vực và vai trò ASEAN/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 124tr.; 30cm
327.5 Ch125A/T.0024651

104. *Chiến lược ngoại giao mới của Trung Quốc đối với Trung Đông/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2022. - 125tr.; 30cm
327.51056 Ch305L/T.0024616

105. *Chính sách của Biden đối với Nga/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 120tr.; 30cm
327.73047 Ch312S/T.0024650

106. *Chính sách đối ngoại của Anh trong thời gian tới/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 133tr.; 30cm
327.42 Ch312S/T.0024626

107. *Cục diện châu Á - Thái Bình Dương trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI và tác động tới chính sách đối ngoại Việt Nam: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019/ Nguyễn Thị Thúy Hà.* - H.: Học viện Chính trị Khu vực I, 2019. - 113tr.; 30cm + phụ lục
327 C506Đ/T.0024709

108. *Hàn Quốc thiết lập quan hệ quân sự với Nga/ Đặng Trọng Anh.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 114tr.; 30cm

327.95195 H105Q/T.0024617

109. Học giả Trung Quốc nhận định về tình hình Biển Đông năm 2022/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2022. - 105tr.; 30cm

327 H419G/T.0024618

110. Khủng hoảng Ukraine phơi bày hạn chế trong chính sách đối ngoại của Tập Cận Bình/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2022. - 127tr.; 30cm

327.51 Kh513H/T.0024695

111. Liệu cuộc chiến ở Ukraine có làm lung lay quyền lãnh đạo của Putin?/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2022. - 121tr.; 30cm

327.47 L309C/T.0024697

112. Mối quan hệ các nước Châu Âu và tác động đến nền kinh tế thế giới/ Nguyễn Hữu Bằng. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 120tr.; 30cm

327 M452Q/T.0024614

113. Những chính sách mới của Nga trong vấn đề Ukraine/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2022. - 133tr.; 30cm

327.47 Nh556C/T.0024628

114. Những điểm chính trong hoạt động ngoại giao của Nga năm 2022/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 119tr.; 30cm

327.47 Nh556Đ/T.0024657

115. Những thách thức chiến lược toàn cầu trong năm 2022/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 121tr.; 30cm

327 Nh556T/T.0024658

116. *Những thách thức mới ở biển Đông/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 111tr.; 30cm

327 Nh556T/T.0024622

117. *Quan hệ biên giới trên đất liền giữa Trung Quốc với các quốc gia láng giềng/ Đinh Quang Hải.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 370tr.; 24cm.

327.51 Qu105H/M.0181380 - M.0181381; VV.0019479
- VV.0019480

118. *Quan hệ Mỹ - Đài dưới thời Tổng thống Biden/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 114tr.; 30cm

327.73051249 Qu105H/T.0024611

119. *Quan hệ Mỹ - Nga có nhiều thay đổi trong năm 2022/ Đặng Trọng Anh.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 153tr.; 30cm

327.73047 Qu105H/T.0024613

120. *The 7th Korea - ASEAN Cooperation Forum: A better world of differences 2.* - H.: Korea Foundation, 2012. - 100tr.; 30cm.

327.17515905 Th2007/T.0024646

121. *Trí tuệ nhân tạo và ngoại giao số: Thách thức và cơ hội/ Fatima Roumate chủ biên; Đinh Trọng Minh dịch.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 454tr.; 24cm.

327.101 Tr300T/VV.0019543

122. *Trung Quốc được gì trong mối quan hệ với các nước châu Âu?/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 132tr.; 30cm

327.5104 Tr513Q/T.0024655

123. Tương lai nào cho các nước ASEAN trong cuộc cạnh tranh giữa Mỹ - Trung/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 138tr.; 30cm

327 T561L/T.0024609

124. Tương lai nào cho quan hệ Anh - Trung Quốc/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 115tr.; 30cm

327.42051 T561L/T.0024612

125. Vai trò của Nhật Bản trong mối quan hệ với các nước lớn/ Lại Duy Chinh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 109tr.; 30cm

327.52 V103T/T.0024610

126. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đảm bảo lợi ích dân tộc trong quan hệ quốc tế vào hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng hiện nay: Sách chuyên khảo/ Lê Xuân Huân chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 140tr.; 21cm.

327.597 V121D/M.0181624 - M.0181625; MP.0040588; VN.0083930 - VN.0083931

127. Xu hướng trong năm 2022 của khu vực Đông Á/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 137tr.; 30cm

327.59 X500H/T.0024625

330 – Kinh tế học

128. Chặng đường 20 năm gia nhập WTO của Trung Quốc/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 123tr.; 30cm

330.951 Ch116Đ/T.0024652

129. Chính sách phục hồi nền kinh tế của các nước lớn sau đại dịch Covid/ Nguyễn Hữu Bằng. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 157tr.; 30cm

330 Ch312S/T.0024656

130. Đánh giá tình hình kinh tế thế giới năm 2021/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2022. - 204tr.; 30cm

330.9 Đ107G/T.0024623

131. Kinh tế học = Economics: Khái lược những tư tưởng lớn/ Phan Thủy dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 352tr.; 24cm.

330 K312T/M.0181139 - M.0181140; VV.0019397 - VV.0019398

132. Kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng ra sao sau hơn hai năm đại dịch/ Lại Duy Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 108tr.; 30cm

330 K312T/T.0024654

133. Kinh tế Trung Quốc ra sao trong thời đại dịch COVID?/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 144tr.; 30cm

330.951 K312T/T.0024621

134. Những thay đổi lớn đối với nền kinh tế Trung Quốc trong năm 2021 và phương hướng năm 2022. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 127tr.; 30cm

330.951 Nh556T/T.0024615

135. Sự cứu chuộc của một sát thủ kinh tế/ John Perking; Trần Trọng Hải Minh dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 350tr.; 21cm.

330 S550C/M.0181114 - M.0181115

136. *Từ con đường tơ lụa xanh tới năng lượng hạt nhân của Trung Quốc/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 96tr.; 30cm

330.951 T550C/T.0024624

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan

137. *Hỏi - đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học:* Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị/ *Đỗ Thị Thạch, Bùi Thị Ngọc Lan,....* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 231tr.; 21cm.

**335.4320711 H000Đ/M.0180072 - M.0180073;
MP.0039571 - MP.0039572**

138. *Hỏi - đáp môn Triết học Mác - Lênin:* Dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị/ *Phạm Văn Đức chủ biên, Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Anh Tuấn.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 271tr.; 21cm.

**335.4110711 H428Đ/M.0180068 - M.0180069;
MP.0039567 - MP.0039568**

139. *Hướng dẫn ôn tập môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ Chủ biên: Đỗ Thị Thanh Loan,.....* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 335tr.; 21cm.

**335.412076 H561D/M.0180060 - M.0180061;
MP.0039560 - MP.0039561**

140. *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh/ Chủ biên: Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 276tr.; 24cm.

**335.4346 Ngh305C/M.0180188 - M.0180189;
MP.0039664 - MP.0039665; VV.0019199 - VV.0019200**

141. *Tổng kết lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa*

xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc và đề xuất bổ sung, phát triển vào thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh mới/ Trần Việt Khoa chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 408tr.; 21cm.

335.43 T455K/LC.0016695; MP.0040323 -
MP.0040324; VN.0083556 - VN.0083557

142. *Tổng tập chuyên đề Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 619tr.; 24cm.

335.4346 T455T/VV.0019554

143. *Triết học Mác - Lênin trong nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam/ Đinh Quang Định chủ biên*Trình. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 391tr.; 24cm.

335.411 Tr308H/M.0181086 - M.0181087;
MP.0040447; VV.0019267 - VV.0019268

144. *Từ "Đường Cách Mệnh" đến "Sửa đổi lỗi làm việc" - Ánh sáng xuyên thế kỷ/ Bùi Đình Phong.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 309tr.; 24cm.

335.4346 T550Đ/M.0180664 - M.0180665; MP.0040142 -
MP.0040143; VV.0019254 - VV.0019255

145. *Xây dựng ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc/ Hồ Chí Minh.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. - 188tr.; 15cm.

335.4346 X126Đ/M.0181835 - M.0181836; MP.0040685 -
MP.0040686; VN.0083835, VN.0084029

338 – Sản xuất

146. *Ai nói voi không thể khiêu vũ? = Who says elephants can't dance?:* Phương pháp quản trị điều hành những công ty khổng lồ

nhưng rất linh hoạt/ *Louis V. Gerstner*; Ng.dịch: *Nguyễn Thu Loan, Trần Phương Mai*. - H.: Công thương, 2022. - 309tr.; 24cm.
338.47004092 A103N/M.0181396 - M.0181397

147. Chuyên gia kinh tế bước vào nhà thổ và những nơi không ngờ khác để hiểu về rủi ro/ Allison Schrager; Trần Nguyễn dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 330tr.; 21cm.
338.5 Ch527G/M.0181104 - M.0181105

148. Độc quyền rượu và chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương/ Gerard Sasges; Châu Huy Ngọc dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 412tr.; 23cm.
338.47663509597 Đ451Q/M.0180670 - M.0180671;
MP.0040146 - MP.0040147; VV.0019260 - VV.0019261

149. Động lực tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu năm 2022/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 130tr.; 30cm
338.9 Đ455L/T.0024629

150. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trong giai đoạn hiện nay: Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2018/ Trần Quốc Dương. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2018. - 84tr.; 30cm
338.9597 K258H/T.0024704

151. Phát triển doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng Việt Nam theo hướng tinh, gọn, hiệu quả đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Hoàng Văn Phai. Phùng Mạnh Cường. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 199tr.; 21cm.
338.47355009597 Ph110T/LC.0016676 - LC.0016677;
M.0180876 - M.0180877; MP.0040316; VN.0083570 - VN.0083571

152. *Tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển kinh tế*: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019/ *Trần Thị Tuyết Lan*. - H.: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2019. - 106tr.; 30cm

338.9597 T305B/T.0024706

153. *Tư duy doanh nhân = The entrepreneur mind*: Cách doanh nhân nghĩ, việc doanh nhân làm qua 100 bài học xương máu/ *Kevin D. Johnson*; *Nguyệt Minh dịch*. - H.: Công thương, 2020. - 328tr.; 24cm.

338.092 T550D/M.0181374 - M.0181375

154. *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 524tr.; 24cm.

338.109597 X126D/VV.0019551

340 – Luật pháp

343 – *Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại (mậu dịch), công nghiệp*

155. *Giáo trình lý luận về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội*: Dành cho đào tạo trình độ Thạc sĩ/ *Nguyễn Xuân Bắc chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 140tr.; 27cm.

**343.5970711 Gi-108T/MP.0039961 - MP.0039962;
VV.0019273 - VV.0019274**

156. *Kiểm soát tài sản, thu nhập của đảng viên là người có chức vụ, quyền hạn trong bối cảnh mới ở Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Báo*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. - 367tr.; 24cm.

**343.597023 K304S/M.0181546 - M.0181547;
MP.0040550 - MP.0040551; VV.0019581 - VV.0019582**

157. *Kỹ năng tư vấn, soạn thảo và một số hợp đồng mẫu chi tiết*

trong lĩnh vực xây dựng/ Trương Ngọc Liêu. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 159tr.; 19cm.

**343.597078624 K600N/M.0180088 - M.0180089;
MP.0039587 - MP.0039588**

158. Luật Cảnh sát biển Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 80tr.; 21cm.

**343.59701997 L504C/M.0181612 - M.0181613;
MP.0040582; VN.0083918 - VN.0083919**

159. Luật Điện ảnh: Được thông qua ngày 15/6/2022. - H.: Tư pháp, 2023. - 55tr.; 19cm.

**343.597078 L504Đ/M.0181493 - M.0181494;
MP.0040524; VN.0083800 - VN.0083801**

160. Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành. - H.: Thanh niên, 2022. - 175tr.; 19cm.

**343.597002638 L504T/M.0180710 - M.0180711;
MP.0040184; VN.0083512 - VN.0083513**

344 – Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

161. Bộ luật Lao động (Hiện hành). - Tái bản lần thứ 3. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 191tr.; 19cm.

**344.59701 B450L/M.0180086 - M.0180087; MP.0039585 -
MP.0039586; VN.0083306 - VN.0083307**

162. Luật Bảo vệ môi trường (Hiện hành). - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 299tr.; 19cm.

**344.597046 L504B/M.0180082 - M.0180083;
MP.0039581 - MP.0039582; VN.0083302 - VN.0083303**

163. Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: An toàn công cộng, trật

tự công cộng/ Nguyễn Thị Lê Huyền, Vũ Thị Hương..... - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 262tr.; 21cm.

**344.597053 T550V/M.0180208 - M.0180209;
MP.0039684 - MP.0039685; VN.0083366 - VN.0083367**

164. *Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: An toàn vệ sinh thực phẩm/ Nguyễn Ngọc Quyên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 110tr.; 21cm.

**344.59704232 T550V/M.0180226 - M.0180227;
MP.0039702 - MP.0039703; VN.0083384 - VN.0083385**

345 – Luật hình sự

165. *Bảo đảm quyền con người trong thi hành án phạt tù tại Việt Nam:* Sách chuyên khảo/ *Đỗ Thị Phụng.* - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. - 252tr.; 21cm.

**345.597056 B108Đ/M.0181524 - M.0181525;
MP.0040532 - MP.0040533; VN.0083843 - VN.0083844**

166. *Bộ luật Tổ tụng hình sự (hiện hành), sửa đổi, bổ sung năm 2021.* - H.: Thanh niên, 2022. - 479tr.; 19cm.

**345.597 B450L/M.0181485 - M.0181486; MP.0040520;
VN.0083792 - VN.0083793**

167. *Luật Thi hành án hình sự (Hiện hành).* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 279tr.; 19cm.

**345.597052 L504T/M.0180084 - M.0180085;
MP.0039583 - MP.0039584; VN.0083304 - VN.0083305**

346 – Luật tư

168. *Luật Kinh doanh bảo hiểm:* Được thông qua ngày 16/6/2022. - Tái bản lần 1. - H.: Tư pháp, 2023. - 171tr.; 19cm.

**346.597086 L504K/M.0181491 - M.0181492;
MP.0040523; VN.0083798 - VN.0083799**

169. *Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: Đất đai/ Chủ biên:*
Nguyễn Thị Lê Huyền, Vũ Thị Hương,.... - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. -
190tr.; 21cm.

**346.597043 T550V/M.0180210 - M.0180211;
MP.0039686 - MP.0039687; VN.0083368 - VN.0083369**

170. *Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: Nhà ở/ Chủ biên:*
Nguyễn Thị Lê Huyền, Vũ Thị Hương,.... - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. -
162tr.; 21cm.

**346.597043 T550V/M.0180214 - M.0180215;
MP.0039690 - MP.0039691; VN.0083372 - VN.0083373**

171. *Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: Quyền để lại di sản và*
quyền thừa kế của cá nhân/ Phùng Trung Tập. - H.: Nxb. Hà Nội,
2021. - 176tr.; 21cm.

**346.597052 T550V/M.0180212 - M.0180213;
MP.0039688 - MP.0039689; VN.0083370 - VN.0083371**

172. *Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: Thừa kế trong việc chia*
di sản/ Phùng Trung Tập. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 95tr.; 21cm.

**346.597052 T550V/M.0180218 - M.0180219;
MP.0039694 - MP.0039695; VN.0083376 - VN.0083377**

173. *Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác*
khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường: Báo cáo của các Bộ. - H.: Ủy
ban thường vụ Quốc hội, 2012. - 210tr.; 30cm

346.59704 V303T/T.0024702

349 – Luật pháp của khu vực pháp quyền, khu vực, vùng kinh tế xã hội, tổ chức liên chính phủ vùng cụ thể

174. Câu chuyện pháp luật/ Bùi Thanh Hương. - Tái bản lần 1. - H.: Tư pháp, 2023. - 243tr.; 19cm.

349.597 C125C/M.0181487 - M.0181488; MP.0040521; VN.0083794 - VN.0083795

175. Cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2019/ *Dương Thị Tươi.* - H.: Viện Nhà nước và Pháp luật, 2019. - 112tr.; 30cm + phụ lục

349.597 C460S/T.0024705

176. Giáo trình luật dân sự. - H.: Công an nhân dân, 2014. - 271tr.; 21cm.

349.597 Gi-108T/M.0180902 - M.0180903

177. Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: Bảo vệ quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình/ Chủ biên: Nguyễn Thị Lê Huyền, Vũ Thị Hương,.... - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 123tr.; 21cm.

349.597 T550V/M.0180224 - M.0180225; MP.0039700 - MP.0039701; VN.0083382 - VN.0083383

178. Tư vấn, phổ biến và áp dụng pháp luật: Dân sự (Phong tục tập quán và một số vấn đề sinh kế)/ Kiều Thị Thùy Linh. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 110tr.; 21cm.

349.597 T550V/M.0180222 - M.0180223; MP.0039698 - MP.0039699; VN.0083380 - VN.0083381

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

179. *Quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo trên địa bàn Thủ đô Hà Nội/ Phạm Tiến Dũng.* - H.: Dân trí, 2022. - 298tr.; 24cm.

353.709597 Qu105L/M.0181437 - M.0181438;

MP.0040511; VV.0019501 - VV.0019502

180. *Quan hệ công chúng của Chính phủ trong bối cảnh cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam:* Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Nguyễn Văn Hậu, Nguyễn Quỳnh Nga.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 283tr.; 24cm.

352.74809597 Qu105H/M.0181092 - M.0181093;

MP.0040445; VV.0019265 - VV.0019266

181. *Tổ chức Nhà nước Việt Nam hiện nay:* Những vấn đề lý luận và thực tiễn/ *Nguyễn Ngọc Vân chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 355tr.; 24cm.

352.209597 T450C/VV.0019542

182. *Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân/ Nguyễn Trọng Thừa chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 457tr.; 24cm.

351.597 X126D/VV.0019545

355 – Khoa học quân sự

183. *Bộ đội Biên phòng vận động quần chúng tự quản đường biên, mốc quốc giới và giữ gìn an ninh, trật tự khu vực biên giới Việt Nam - Lào:* Sách chuyên khảo/ *Tạ Ngọc Đàn biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 216tr.; 21cm.

355.35109597 B450Đ/LC.0016810; M.0181608 -

M.0181609; MP.0040580; VN.0083914 - VN.0083915

184. Bồi dưỡng năng lực đấu tranh tư tưởng, lý luận cho giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các nhà trường quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Nguyễn Văn Cường, Đoàn Đức Khánh. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 171tr.; 21cm.

**355.00711597 B452D/LC.0016697 - LC.0016698;
M.0180890 - M.0180891; MP.0040325; VN.0083554 - VN.0083555**

185. Bồi dưỡng năng lực giáo dục cho học viên ở các trường sĩ quan đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Trương Văn Môn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 154tr.; 21cm.

**355.00711597 B452D/LC.0016674 - LC.0016675;
M.0180880 - M.0180881; MP.0040318; VN.0083566 - VN.0083567**

186. Chiến lược quốc phòng của Ấn Độ và tác động đến các nước/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 130tr.; 30cm

355.0330954 Ch305L/T.0024653

187. Đại tướng Nguyễn Quyết - Tuyển tập. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 1160tr.; 27cm.

**355.0092597 Đ103T/LCV.0002766 - LCV.0002767;
M.0180466 - M.0180467; MP.0039965; VV.0019275 - VV.0019276**

188. Định hướng tư tưởng cho sĩ quan trẻ quân đội nhân dân Việt Nam trước sự tác động của truyền thông xã hội: Sách chuyên khảo/ Bùi Minh Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 184tr.; 21cm.

**355.33209597 Đ312H/LC.0016525 - LC.0016526;
M.0180490 - M.0180491; MP.0039982; VN.0083459 - VN.0083460**

189. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền đối ngoại của quân đội về bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài độc lập cấp Bộ Quốc phòng/ Đoàn Văn Chiêu. - H.: Bộ Quốc phòng, 2021. - 209tr.; 30cm

355.3409597

Gi-103P/T.0024700

190. *Giáo trình Quân sự địa phương:* Dùng cho đối tượng đào tạo sau đại học trình độ thạc sĩ quân sự/ *Hồ Thanh Hòa chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 124tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/LCV.0002752; MP.0039957 -
MP.0039958; VV.0019230 - VV.0019231

191. *Hoạt động chế tạo và quản lý sử dụng vũ khí dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802-1883:* Sách chuyên khảo/ *Trương Anh Thuận.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 212tr.; 24cm.

355.809597 H411Đ/M.0181388 - M.0181389;
VV.0019487 - VV.0019488

192. *Hoạt động của các đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam tại Lào từ năm 1959 đến năm 1975:* Sách chuyên khảo/ *Lê Văn Phong.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 255tr.; 21cm.

355.032597 H411Đ/LC.0016693 - LC.0016694;
M.0180878 - M.0180879; MP.0040317; VN.0083568 - VN.0083569

193. *Lịch sử Kho khí tài hóa học 61 (1962-2022).* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 388tr.; 21cm.

355.7509597 L302S/LC.0016545; M.0181704;
VN.0083774 - VN.0083775, VN.0083990 - VN.0083991

194. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đắk Hà (1954-2020)/ Biên soạn: Chu Văn Hiến, Dương Tá Khanh,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 403tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0040309 - MP.0040310;
VN.0083538 - VN.0083539

195. *Lịch sử quân sự tỉnh Sơn La (1945 - 2020)/ Biên soạn: Phùng Quốc Hưng, Nguyễn Xuân Thủy,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 627tr.; 22cm.

355.009597 L302S/LC.0016597 - LC.0016598;
MP.0039969 - MP.0039970; VN.0083441 - VN.0083442

196. *Nâng cao chất lượng đào tạo, hoàn chỉnh chương trình cao cấp lý luận chính trị trong các nhà trường quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Công Sơn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 140tr.; 21cm.

355.00711597 N122C/M.0181616 - M.0181617;
MP.0040584; VN.0083922 - VN.0083923

197. *Nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng của thanh niên quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Trần Chiến, Lê Văn Tình*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 140tr.; 21cm.

355.4509597 N122C/LC.0016723 - LC.0016724;
M.0181622 - M.0181623; MP.0040587; VN.0083928 - VN.0083929

198. *Nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng trong Quân đội nhân dân Việt Nam*: Sách chuyên khảo/ *Đồng chủ biên: Đỗ Khắc Cần, Nguyễn Kiêm Viện*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 224tr.; 21cm.

355.4509597 N122C/M.0181614 - M.0181615;
MP.0040583; VN.0083920 - VN.0083921

199. *Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội trong các nhà trường quân đội*: Sách chuyên khảo/ *Đinh Quốc Triệu*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 148tr.; 21cm.

355.00711597 N122C/LC.0016636; MP.0039980 -
MP.0039981; VN.0083457 - VN.0083458

200. *Nghiên cứu xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân trên địa bàn chiến lược Tây Bắc trong tình hình mới*: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài/ *Phùng Sĩ Tấn*. - H.: Bộ Quốc phòng, 2021. - 211tr.; 30cm + phụ lục

355.479597 Ngh305C/T.0024699

201. *Những chiến dịch quân sự quy mô lớn ở Bắc Syria của Mỹ/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 129tr.; 30cm

355.033573

Nh556C/T.0024627

202. *Những năm tháng không quên:* Hồi ký/ *Đinh Mộng Tiên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022; 21cm.

T.1: Tôi luyện trong bão táp cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp. - 199tr.

355.0092597

Nh556N/LC.0016610 - LC.0016611;

M.0180482 - M.0180483; MP.0039976; VN.0083449 - VN.0083450

T.2: Trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và thực hiện nhiệm vụ quốc tế. - 199tr.

355.00922597

Nh556N/LC.0016608 - LC.0016609;

M.0180480 - M.0180481; MP.0039975; VN.0083447 - VN.0083448

203. *Những tướng lĩnh tham gia hai cuộc kháng chiến chống giặc cứu nước/ Chi Phan.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2022. - 303tr.; 21cm.

355.00922597

Nh556T/M.0180692 - M.0180693;

MP.0040167 - MP.0040168

204. *Những vấn đề cơ bản về xây dựng và hoạt động của lực lượng tác chiến không gian mạng trong tình hình mới:* Sách chuyên khảo/ *Phạm Việt Trung.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 136tr.; 21cm.

355.009597

Nh556V/LC.0016651 - LC.0016652,

LC.0016754; MP.0040340; VN.0083582 - VN.0083583

205. *Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội trong văn kiện đại hội XIII giá trị và vận dụng vào giảng dạy ở nhà trường quân đội hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Lưu Duy Toàn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 220tr.; 21cm.

355.00711597 Nh556V/LC.0016777 - LC.0016778;
M.0181604 - M.0181605; MP.0040578; VN.0083910 - VN.0083911

206. *Niềm tin và lẽ sống/ Nguyễn Độ*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 472tr.; 24cm.

355.0092597 N304T/LCV.0002772 - LCV.0002773;
M.0180470 - M.0180471; MP.0039967; VV.0019279 - VV.0019280

207. *Phát huy phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" tiếp tục xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị trong tình hình mới/ Lương Cường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 336tr.; 21cm.

355.009597 Ph110H/LC.0016769; M.0181706 -
M.0181707; VN.0083780 - VN.0083781, VN.0083994 - VN.0083995

208. *Phát huy vai trò của khoa học xã hội và nhân văn quân sự trong xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị thời kỳ mới: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài/ Nguyễn Bá Dương*. - H.: Bộ Quốc phòng, 2021. - 196tr.; 30cm

355.009597 Ph110H/T.0024701

209. *Phát triển năng lực dạy học của giảng viên trẻ ở các học viện, trường sĩ quan quân đội trước tác động của tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Nguyễn Văn Bách, Nguyễn Duy Hoan*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 138tr.; 21cm.

355.00711597 Ph110T/LC.0016531; M.0180488 -
M.0180489; MP.0039979; VN.0083455 - VN.0083456

210. *Phát triển văn hóa kỷ luật của sĩ quan cấp phân đội ở đơn vị cơ sở Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ Đồng chủ biên: Hà Đức Long, Phạm Công Thuởng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 172tr.; 21cm.

355.1309597 Ph110T/M.0181618 - M.0181619;
MP.0040585; VN.0083924 - VN.0083925

211. *Quân sự Nga - Mỹ với những vấn đề đặt ra trong thời gian qua/*

Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 125tr.; 30cm

355.0310947073

Qu121S/T.0024620

212. *Tiểu đoàn 743 - Biên niên sự kiện (1983 - 2023)/ Biên soạn: Trần Đức Quyền, Nguyễn Tăng Dũng, Bùi Ngọc Thiện....* - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 252tr.; 21cm.

355.809597

T309Đ/MP.0040575; VN.0083902 -

VN.0083903

213. *Trung Quốc tiến hành cải cách quân đội/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 133tr.; 30cm

355.00951

Tr513Q/T.0024619

214. *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng quân đội vào xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam trong tình hình mới: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài/ Nguyễn Văn Thế.* - H.: Bộ Quốc phòng, 2021. - 157tr.; 30cm

355.009597

V121D/T.0024698

215. *Xây dựng bản lĩnh chính trị cho Lực lượng tác chiến không gian mạng trong tình hình mới: Sách chuyên khảo/ Hồ Văn Đức biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 240tr.; 21cm.

355.009597

X126D/LC.0016657 - LC.0016658,

LC.0016753; MP.0040339; VN.0083580 - VN.0083581

358 – *Lực lượng không quân và chuyên biệt khác và cuộc chiến; quân chủng kỹ thuật và có liên quan*

216. *Bộ đội pháo phòng không "Nhằm thẳng quân thù mà bắn"/ Đỗ Văn Thuấn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 172tr.; 21cm.. - (50 năm Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không 1972-2022)

358.4009597

B450Đ/LC.0016789 - LC.0016790;

M.0181626 - M.0181627; MP.0040589; VN.0083932 - VN.0083933

217. *Lịch sử Lữ đoàn Phòng không 573 (1972-2022).* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 444tr.; 21cm.

358.1309597 L302S/LC.0016559; VN.0083782 - VN.0083783, VN.0083986 - VN.0083987

218. *Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng ở các đơn vị cơ sở Bình chủng Công binh hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Hồ Duy Vĩnh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 156tr.; 21cm.

358.2309597 N122C/M.0181628 - M.0181629; MP.0040590; VN.0083934 - VN.0083935

219. *Tên lửa ta đánh rất hay/ Vũ Tuấn Hưng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 196tr.; 21cm.. - (50 năm Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không 1972-2022)

358.4009597 T254L/LC.0016791 - LC.0016792; M.0181630 - M.0181631; MP.0040591; VN.0083936 - VN.0083937

220. *Vinh quang các liệt sĩ không quân nhân dân Việt Nam và hàng không dân dụng Việt Nam.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 552tr.; 21cm.

358.400922597 V312Q/LC.0016514 - LC.0016515; M.0180474 - M.0180475; MP.0039971; VN.0083443 - VN.0083444

221. *Xe tăng trong chiến tranh hiện đại:* Sách tham khảo/ *Đặng Đồng Tiến.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 171tr.; 19cm.

358.18 X200T/LC.0016641 - LC.0016642; M.0180498 - M.0180499; MP.0039988; VN.0083463 - VN.0083464

370 – Giáo dục

222. *Đường xa nghĩ về giáo dục Việt Nam/ Nguyễn Quốc Vương.* - H.: Dân trí, 2022. - 347tr.; 21cm.

370.9597 Đ561X/M.0181122 - M.0181123; VN.0083664 - VN.0083665

223. *Giáo dục miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Sài Gòn/ Nguyễn Kim Dung.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 430tr.; 24cm.

370.9597 Gi-108D/VV.0019585 - VV.0019586

224. *Giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945):* Sách chuyên khảo/ *Trần Thị Phương Hoa.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 287tr.; 24cm.

370.9597 Gi-108D/M.0181390 - M.0181391; VV.0019489 - VV.0019490

225. *Làng khoa bảng Nho học ở đồng bằng sông Hồng:* Sách chuyên khảo/ *Đồng chủ biên: Ngô Vũ Hải Hằng, Lê Quang Chấn.* - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 330tr.; 24cm.

370.9597 L106K/VV.0019587 - VV.0019588

226. *Trạng Việt/ Gia Bách biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2022. - 200tr.; 21cm.

370.922597 Tr106V/M.0180696 - M.0180697; MP.0040171 - MP.0040172

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

227. *Mỹ vị nhân gian không bằng cơm mẹ/ Hàn Mai Mai; Quỳnh Anh dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 307tr.; 18cm.

394.12 M600V/M.0180620 - M.0180621; MP.0040096 - MP.0040097

228. *Nam ngọt Bắc mặn:* Thanh đạm là mỹ vị nhân gian/ *Cao Duy Sinh; Lê Linh dịch.* - H.: Thanh niên, 2022. - 416tr.; 21cm.

394.120951 N104N/M.0180942 - M.0180943; MP.0040374 - MP.0040375

229. *Truyện cổ nước Nam*: In theo bản của Thăng Long 1958/ *Nguyễn Văn Ngọc*. - H.: Dân Trí, 2021. - 451tr.; 21cm.

398.209597

Tr527C/M.0180752 - M.0180753

230. *Việt Nam kho tàng dã sử*/ Gia Minh biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2022. - 224tr.; 21cm.

398.2709597

V308N/M.0180700 - M.0180701;

MP.0040175 - MP.0040176

400 – NGÔN NGỮ

420 – Tiếng Anh và tiếng Anh cổ

231. *Cuộc phiêu lưu của ngôn ngữ Anh*: Tiểu sử Anh ngữ từ năm 500 đến năm 2000/ *Melvyn Bragg*; *Hoàng Anh dịch*. - H.: Thế giới, 2022. - 420tr.; 24cm.

420.9

C514P/M.0181378 - M.0181379; VV.0019477 -

VV.0019478

232. *Phương pháp luyện nói tiếng Anh lưu loát*: Để không "mắc tặc" khi nói chuyện với người nước ngoài/ *Moon Nguyễn*. - H.: Dân trí, 2022. - 179tr.; 21cm.

428.3

Ph561P/M.0181455 - M.0181456; MP.0040515

233. *Unconventional tactics for achieving IELTS writing*/ Tiết Hồng Cương; Hoàng Thanh Tú dịch. - H.: Dân trí, 2020. - 371tr.; 24cm.

428

U512T/M.0181441 - M.0181442; MP.0040512

490 – Ngôn ngữ khác

234. *Ai làm đau tiếng Việt ?*/ Hồ Xuân Mai. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 133tr.; 20cm.

**495.922 A103L/M.0180682 - M.0180683; MP.0040157 -
MP.0040158**

235. *Chữ, văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc/ Nguyễn Văn Trung.*
- Tái bản theo bản in năm 1974. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 372tr.;
24cm.

**495.92209 Ch550V/M.0181382 - M.0181383; VV.0019481
- VV.0019482**

**236. *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ
học (cho đến 1650)/ Roland Jacques; Dịch: Viện Ngôn ngữ học.*** - H.:
Khoa học xã hội, 2022. - 370tr.; 24cm.

**495.92209 Nh556N/M.0181384 - M.0181385; VV.0019483
- VV.0019484**

237. *Tam tự kinh/ Vương Ứng Lân; Phạm Hồng dịch.* - H.: Dân trí,
2019. - 299tr.; 21cm.

495.18 T104T/M.0180750 - M.0180751

600 – CÔNG NGHỆ

610 – Y học và y tế

238. *Giáo trình xử lý số liệu thống kê y học bằng SPSS:* (Dùng cho
đào tạo trình độ đại học và sau đại học)/ *Đào Thanh Tùng chủ biên.* -
H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 217tr.; 27cm.

610.285 Gi-108T/LCV.0002776 - LCV.0002777

239. *Giáo trình y học thảm họa:* Dùng cho đào tạo trình độ đại học/
Nguyễn Như Lâm chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 94tr.;
27cm.

**610.711 Gi-108T/LCV.0002764 - LCV.0002765;
M.0180462 - M.0180463; MP.0039959 - MP.0039960**

240. *Những vùng đất trường thọ*: 9 bài học từ những người sống lâu nhất thế giới/ *Dan Buettner; Ngọc Nguyên dịch.* - H.: Khoa học và kỹ thuật, 2021. - 332tr.; 23cm.

612.68

Nh556V/M.0181362 - M.0181363

612 – Sinh lý học người

241. *Ăn uống khoa học với 60 bệnh thường gặp*: Sách tham khảo/ *Nguyễn Hữu Thăng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 224tr.; 21cm.

613.2

Ả115U/LC.0016649 - LC.0016650

242. *Bì kịch của đứa trẻ tài năng*/ *PhD Alice Miller; Ngọc Đoan Trang dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 184tr.; 20cm.

616.8582

B300K/M.0180608 - M.0180609; MP.0040084 -

MP.0040085

243. *Đàn ông bóc phốt đàn ông về hện hò và hôn nhân*/ *Bruce Bryans; Quỳnh Trang dịch.* - H.: Hồng Đức, 2022. - 102tr.; 21cm.

646.77

Đ105Ô/M.0180868 - M.0180869

244. *Giáo trình Bệnh học tai mũi họng*: (Dùng cho đào tạo trình độ đại học)/ *Nghiêm Đức Thuận chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 261tr.; 27cm.

617.00711

Gi-108T/LCV.0002774 - LCV.0002775

245. *Giáo trình cơ sở thiết kế hệ thống đạn tên lửa có điều khiển tầm gần*: (Dùng cho nghiên cứu sinh và cán bộ nghiên cứu chuyên ngành cơ kỹ thuật và điều khiển thiết bị bay)/ *Phan Thế Sơn chủ biên; Biên soạn: Nguyễn Văn Chúc, Phạm Thiện Hân.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 160tr.; 27cm.

623.4519

Gi-108T/LCV.0002778; M.0181740 -

M.0181741; MP.0040638; VV.0019618 - VV.0019619

246. *Mái nhà của con/ Lê Tiểu My.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 122tr.; 18cm.

649.10242 M103N/M.0180686 - M.0180687; MP.0040161 - MP.0040162

247. *Tác dụng chữa bệnh của rau xanh:* Sách tham khảo/ *Nguyễn Hữu Thăng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 236tr.; 21cm.

613.2 T101D/LC.0016645 - LC.0016646

248. *Thanh lọc chất độc hại trong cơ thể để khỏe mạnh/ Nguyễn Hữu Thăng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 184tr.; 21cm.

613 Th107L/LC.0016647 - LC.0016648

249. *Thảo dược với bệnh nhi khoa.* - H.: Hồng Đức, 2022. - 187tr.; 21cm.

618.920068 Th108D/M.0181108 - M.0181109

250. *Trẻ ngoan trẻ hư:* Góc nhìn của con trẻ và cách con khôn lớn/ *Nobuyoshi Hirai; Trâm Anh dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 234tr.; 19cm.

649.64 Tr200N/M.0180932 - M.0180933; MP.0040364 - MP.0040365

251. *Vaxxers:* Câu chuyện về cuộc đua phát triển vắc-xin chống covid-19 của các nhà khoa học Oxford/ *Sarah Gilbert, Catherine Green; Ng.dịch: Thanh Loan, Hải Minh....* - H.: Thế giới, 2021. - 356tr.; 23cm.

615.372 V111/M.0181364 - M.0181365; VV.0019471 - VV.0019472

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

252. *Dám thất bại/ Billi P.S. Lim; Trần Hạo Nhiên dịch.* - In lần thứ 32. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 202tr.; 21cm.

650.1 D104T/M.0180422 - M.0180423; MP.0039894 - MP.0039895

253. *Khát vọng dẫn thân = Hustle*/ Neil Patel, Patrick Vlaskovits, Jonas Koffler; *Ban Chi Hoa dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 308tr.; 23cm.

650.1 Kh110V/M.0181366 - M.0181367

254. *Quá kiệt làm điều khác biệt = Dare to be different and grow rich*: Bí quyết thành công của Steve Jobs, Jack Ma, Warren Buffett, Michael Dell, Madonna.. và những nhân vật triệu người có một"/ *Rainer Zitelmann; Duy Minh dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 320tr.; 24cm.

650.1 Qu103K/M.0181376 - M.0181377

255. *Tại sao chúng tôi muốn bạn giàu?*/ Donald J. Trump; *Lê Tuyên dịch*. - In lần thứ 24. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 425tr.; 20cm.

650.12 T103S/M.0180420 - M.0180421; MP.0039892 - MP.0039893

256. *Tôi đã làm giàu như thế*: Kinh nghiệm của một tỷ phú/ *Donald J. Trump; Merrdith McIver; Nguyễn Huỳnh Điệp dịch*. - In lần thứ 17. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 277tr.; 20cm.

650.12 T452Đ/M.0180426 - M.0180427; MP.0039898 - MP.0039899

658 – Quản lý chung

257. *Kiểm tìm sự hoàn hảo = In search of excellence*: Phương pháp quản trị những doanh nghiệp thành công nhất nước Mỹ/ *Thomas J. Peters, Robert H. Waterman; Tùng Linh dịch*. - H.: Công thương, 2022. - 423tr.; 24cm.

658.00973 K304T/M.0181394 - M.0181395

258. *Kinh doanh = Business*: Khái lược những tư tưởng lớn/ *Kim Oanh dịch*. - Tài bản. - H.: Dân trí, 2022. - 352tr.; 24cm.

658 K312D/M.0181137 - M.0181138; VV.0019395 - VV.0019396

259. *Nghệ thuật lãnh đạo tận tâm*/ Heather R. Younger; Heina Phuong dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 246tr.; 20cm.

658.4092 Ngh250T/M.0181461 - M.0181462

260. *Thay đổi từ tâm*: Cách để trở thành một nhà lãnh đạo chân chính/ Đoàn Tiến Khoa. - H.: Dân trí, 2022. - 179tr.; 21cm.

658.4 Th112Đ/M.0181453 - M.0181454

261. *Trump - Đừng bao giờ bỏ cuộc*: Cách tôi biến những thách thức to lớn trong cuộc đời mình thành thành công/ Donald J. Trump, Meredith McIver; Võ Công Hùng dịch. - In lần thứ 22. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 217tr.; 21cm.

658.4092 T000Đ/M.0180436 - M.0180437; MP.0039908 - MP.0039909

262. *5 phương thức ghi nhận nỗ lực của nhân viên = The 5 languages of appreciation in the workplace*/ Gary Chapman, Paul White; Lê Thu Thủy dịch. - H.: Công thương, 2020. - 248tr.; 23cm.

658.3145 N114P/M.0181368 - M.0181369

700 – NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

263. *Bàn về âm nhạc*: Trò chuyện cùng Seiji Ozawa/ Haruki Murakami; Phương Nam dịch. - H.: Dân trí, 2022. - 397tr.; 21cm.

780 B105V/M.0181118 - M.0181119

264. *Bóng đá - World Cup*: Những góc khuất bí ẩn/ Lê Thành Trung. - H.: Dân trí, 2022. - 433tr.; 24cm.

796.334 B431Đ/M.0181439 - M.0181440

265. *Đại học Nghệ thuật Tokyo/ Atsuto Ninomiya.* - H.: Dân trí, 2022.
- 305tr.; 21cm.

700.71152135

Đ103H/M.0181124 - M.0181125

266. *Đời và nhạc/ Lư Nhất Vũ.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 348tr.; 24cm.

780.92

Đ462V/M.0180660 - M.0180661; MP.0040138 - MP.0040139

267. *Fryderyk Chopin: Cuộc đời và thời đại/ Alan Walker: Ng.dịch: Ngọc Tú, Hạnh Nguyễn.* - H.: Dân trí, 2022. - 384tr.; 24cm.

786.2092

Fr601C/M.0181141 - M.0181142; VV.0019399 - VV.0019400

800 – VĂN HỌC VÀ TU TỪ HỌC

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

268. *Bí ẩn trong cô nhi viện: Tiểu thuyết/ Lisa Wintage; Mokona dịch.* - H.: Văn học, 2019. - 455tr.; 24cm.

813.6

B300Â/M.0180342 - M.0180343; MP.0039814 - MP.0039815

269. *Chuông nguyện hồn ai/ Ernest Hemingway; Ng.dịch: Nguyễn Vĩnh, Hồ Thế Tấn.* - Tái bản. - H.: Văn học, 2018. - 626tr.; 21cm.

813.52

Ch518N/M.0180328 - M.0180329; MP.0039800 - MP.0039801

270. *Định mệnh và cuồng nộ/ Lauren Groff; Anh Thư dịch.* - H.: Hội nhà văn, 2021. - 432tr.; 24cm.

813.6

Đ312M/M.0180344 - M.0180345; MP.0039816 - MP.0039817

271. *Hãng luật*: Tiểu thuyết/ *John Grisham; Tuấn Việt dịch*. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 543tr.; 23cm.

813.54 H106L/M.0180412 - M.0180413; MP.0039880 - MP.0039881

272. *Hội nữ sinh tai tiếng - Những quý cô phá án*Tái bản lần 1: Tiểu thuyết/ *Julie Berry; Phùng Nga dịch*. - H.: Văn học, 2021. - 363tr.; 21cm.

813.6 H452N/M.0180332 - M.0180333; MP.0039804 - MP.0039805

273. *Kẻ ngốc phi thường*/ *Laura Clery, YUI dịch*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 361tr.; 21cm.

814.6 K200N/M.0180940 - M.0180941; MP.0040372 - MP.0040373

274. *Phù thủy xứ OZ*/ *Lyman Frank Baum; Phương Nhung dịch*. - H.: Văn học, 2020. - 143tr.; 24cm.

813 Ph500T/M.0180348 - M.0180349; MP.0039820 - MP.0039821

275. *Vết sóng tràn*/ *Matthew Fitzsimmons; Sam Vũ dịch*. - H.: Thanh niên, 2021. - 493tr.; 21cm.

813.54 V258S/M.0180584 - M.0180585; MP.0040060 - MP.0040061

820 – Văn học tiếng Anh và tiếng Anh cổ

276. *Bá tước Dracula*/ *Bram Stoker; Minhthangbooks dịch*. - H.: Dân trí, 2022. - 601tr.; 24cm.

823 B100T/M.0180742 - M.0180743

277. *Lâu đài bị phù phép*/ Edith Nesbit; Hoàng Duy dịch. - H.: Văn học, 2018. - 422tr.; 21cm.

823 L125Đ/M.0180754 - M.0180755

278. *Máu*/ Maggie Gee; Thanh Yên dịch. - H.: Thế giới, 2021. - 390tr.; 23cm.

823.92 M111/M.0180574 - M.0180575; MP.0040050 - MP.0040051

279. *Những thuyền trưởng can đảm*: Tiểu thuyết/ Rudyard Kipling; Việt Anh dịch. - H.: Thanh niên, 2022. - 255tr.; 21cm.

823.8 Nh556T/M.0180334 - M.0180335; MP.0039806 - MP.0039807

280. *Thám tử Arrowood*/ Mick Finlay; Thúy dịch. - H.: Thế giới, 2021. - 398tr.; 23cm.

823.92 Th104T/M.0180576 - M.0180577; MP.0040052 - MP.0040053

840 – Văn học tiếng Pháp và văn học ngôn ngữ Rôman có liên quan

281. *Bá tước Monte Cristo*: Tiểu thuyết/ Alexandre Dumas; Mai Thế Sang dịch. - H.: Văn học, 2022. - 511tr.; 24cm.

843.7 B100T/M.0180340 - M.0180341; MP.0039812 - MP.0039813

282. *Bay vòng quanh mặt trăng*/ Jules Verne; Thanh Yên dịch. - H.: Văn học, 2022. - 310tr.; 21cm.

843.8 B112V/M.0180758 - M.0180759

283. *Cuộc thám hiểm vào lòng đất*/ Jules Verne; Giang Hà Vy dịch. - H.: Văn học, 2022. - 293tr.; 21cm.

843.8 C514T/M.0180938; MP.0040370 - MP.0040371

284. *Đỏ và đen*: Tiểu thuyết/ *Stendhal*; *Tuấn Đỗ dịch*. - H.: Văn học, 2018. - 626tr.; 24cm.

843.7 Đ400V/M.0180346 - M.0180347; MP.0039818 - MP.0039819

285. *Hai vạn dặm dưới đáy biển*: *Jules Verne*; *Đỗ Ca Sơn dịch*. - H.: Hồng Đức, 2022. - 403tr.; 21cm.

843 H103V/M.0180362 - M.0180363; MP.0039834 - MP.0039835

286. *Hành trình vào tâm trái đất*: *Jules Verne*; *Hoàng Duy dịch*. - H.: Văn học, 2022. - 383tr.; 21cm.

843.8 H107T/M.0180748 - M.0180749

287. *Thuyền trưởng 15 tuổi*: *Jules Verne*, *Giang Hà Vỹ dịch*. - H.: Văn học, 2022. - 291tr.; 21cm.

843 Th527T/M.0180936 - M.0180937; MP.0040368 - MP.0040369

288. *Trong gia đình*: *Hector Malot*; *Ng. dịch: Huỳnh Lý, Mai Hương*. - H.: Văn học, 2021. - 417tr.; 21cm.

843 Tr431G/M.0180926 - M.0180927

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

289. *Bác sĩ Zhivago*: *Boris Pasternak*; *Lê Khánh Trường dịch*. - Tái bản. - H.: Văn học, 2018. - 595tr.; 24cm.

891.734 B101S/M.0180338 - M.0180339; MP.0039810 - MP.0039811

290. *Cánh buồm đỏ thắm*: Tiểu thuyết/ *Alexander Grin*; *Nguy Thanh Tuyên dịch*. - H.: Văn học, 2021. - 139tr.; 21cm.

891.73 C107B/M.0180336 - M.0180337; MP.0039808 - MP.0039809

291. *Thép đã tôi thế đấy*: Tiểu thuyết/ *Nicolai A. Ostrovsky*; Ng.dịch: *Thép Mới, Huy Vân*. - Tái bản lần 4. - H.: Văn học, 2021. - 514tr.; 23cm.

891.7342 Th206Đ/M.0180352 - M.0180353; MP.0039824 - MP.0039825

895 – Văn học Đông Á và Đông Nam Á

292. *Bà ngoại phù thủy và mùa hè tập sự*: Kaho Nashin; Đỗ Nguyên dịch. - H.: Văn học, 2022. - 222tr.; 19cm.

895.63 B100N/M.0180958 - M.0180959; MP.0040390 - MP.0040391

293. *Bảy bước tới mùa hè*: Truyện dài/ *Nguyễn Nhật Ánh*. - In lần thứ 19. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 287tr.; 20cm.

895.922334 B112B/M.0180418 - M.0180419; MP.0039890 - MP.0039891

294. *Bửu Sơn Kỳ Hương*: Tiểu thuyết/ *Lý Lan*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 342tr.; 20cm.

895.92234 B566S/M.0180678 - M.0180679; MP.0040153 - MP.0040154

295. *Cacao ngày thứ năm*: *Michiko Aoyama*; Vương Hải Yến dịch. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 262tr.; 19cm.

895.636 C101N/M.0180962 - M.0180963; MP.0040394 - MP.0040395

296. *Cầm bàn tay con*: Tản văn/ *Ngô Nguyệt Hữu*. - H.: Văn học, 2022. - 199tr.; 21cm.

895.9228408 C120B/M.0180688 - M.0180689; MP.0040163 - MP.0040164

297. Câu chuyện tương lai mà tôi bỏ lỡ/ Ruka Kosaka; Vương Hải Yến dịch. - H.: Thế giới, 2021. - 335tr.; 21cm.

895.636 C125C/M.0180586 - M.0180587; MP.0040062 - MP.0040063

298. Chân trời góc bể: Tiểu thuyết/ *Diệp Lạc Vô Tâm; Nguyễn Thành Phước dịch.* - Tái bản lần 8. - H.: Văn học, 2020. - 383tr.; 21cm.

895.136 Ch121T/M.0180330 - M.0180331; MP.0039802 - MP.0039803

299. Có thú dữ trong thành phố: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Nguyên.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 202tr.; 20cm.

895.92234 C400T/M.0180438 - M.0180439; MP.0039910 - MP.0039911

300. Cõi người mắc cạn: Truyện dài/ *Hoàng Khánh Duy.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 132tr.; 20cm.. - (Văn học tuổi 20)

895.92234 C428N/M.0180440 - M.0180441; MP.0039912 - MP.0039913

301. Con người điều tra/ Vũ Trọng Phụng. - H.: Văn học, 2018; 21cm. T.1. - 461tr.

895.922332 C429N/M.0180746 - M.0180747; MP.0040210 - MP.0040211

T.2. - 415tr.

895.922332 C429N/M.0180744 - M.0180745; MP.0040208 - MP.0040209

302. Cuộc đời rất đáng, tôi muốn sống một cách ngọt ngào/ Khải Suất Luận; Giang Lê dịch. - H.: Thanh niên, 2021. - 268tr.; 21cm.

895.18608 C514Đ/M.0180580 - M.0180581; MP.0040056 - MP.0040057

303. Dương Văn Minh - Tổng thống cuối cùng của chính quyền Sài Gòn: Tiểu thuyết lịch sử/ *Nguyễn Trần Thiết*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 588tr.; 24cm.

895.922334

D561V/M.0180666 - M.0180667;

VV.0019256 - VV.0019257

304. Đặng Thai Mai - Hồi ký: Thời kỳ thanh thiếu niên/ *Đặng Thai Mai*. - H.: Hồng Đức, 2021. - 337tr.; 21cm.

895.92283403

Đ116T/M.0180194 - M.0180195;

MP.0039670 - MP.0039671; VN.0083356 - VN.0083357

305. Điều còn mãi/ Trần Chiến Chinh. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 256tr.; 21cm.

895.9228403

Đ309C/LC.0016197, LC.0016661 -

LC.0016662; M.0179459 - M.0179460; MP.0039071 - MP.0039072

306. Đổi tên giặc lái Mỹ thành nhân viên quân sự Hoa Kỳ: Ký sự chiến tranh/ *Phạm Thanh*. - H.: Chính trị quốc gia Sự thật, 2022. - 216tr.; 21cm.

895.9228403

Đ452T/M.0181528 - M.0181529;

MP.0040536 - MP.0040537; VN.0083847 - VN.0083848

307. Đồng bạc trắng hoa xòe: Tiểu thuyết/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Văn học, 2017. - 590tr.; 21cm.

895.922334

Đ455B/M.0180356 - M.0180357;

MP.0039828 - MP.0039829

308. Đời binh nghiệp kết tinh thành sách quý: Tập truyện ký, bút ký, ký sự. - H.: Hội nhà văn, 2022. - 327tr.; 24cm.

895.9228408

Đ462B/M.0180572 - M.0180573;

MP.0040048 - MP.0040049; VV.0019246 - VV.0019247

309. Gặp nhau ở thung lũng: Tiểu thuyết/ *Đỗ Thị Hiền Hòa*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 207tr.; 21cm.

**895.92234 G117N/LC.0016521 - LC.0016522; M.0180478
- M.0180479; MP.0039973 - MP.0039974**

310. *Hai bên chiến tuyến*: Tập truyện ngắn và ký/ *Từ Nguyên Thạch*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 211tr.; 20cm.

**895.92234 H103B/M.0180680 - M.0180681; MP.0040155 -
MP.0040156; VN.0083520 - VN.0083521**

311. *Hỏa dục*: Tiểu thuyết/ *Thành Châu*. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 355tr.; 24cm.

**895.92234 H401D/M.0180350 - M.0180351; MP.0039822 -
MP.0039823**

312. *Hoàng Lê nhất thống chí*: Ngô Gia Văn Phái; Ngô Tất Tố dịch. - H.: Dân trí, 2021. - 503tr.; 21cm.

**895.92232 H407L/M.0181359 - M.0181360; VN.0083730 -
VN.0083731**

313. *Hồ Chí Minh hành trình vì độc lập dân tộc (1911 - 1945)*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Thị Hồng Dung*. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 339tr.; 21cm.

**895.704092 H450C/M.0180062 - M.0180063;
MP.0039562; VN.0083288 - VN.0083289**

314. *Hũ nữ gaga*: Tiểu thuyết/ *Mèo Lười Ngủ Ngày; Lam Nguyệt dịch*. - H.: Văn học, 2020. - 555tr.; 21cm.

**895.136 H500N/M.0180354 - M.0180355; MP.0039826 -
MP.0039827**

315. *Kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 400tr.; 21cm.

**895.9228403 K600N/LC.0016689 - LC.0016690;
M.0180882 - M.0180883; MP.0040319; VN.0083564 - VN.0083565**

316. *Lan man nghìn năm phở*: Tản văn/ *Đỗ Phấn*. - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 252tr.; 20cm.

**895.9228408 L105M/M.0180432 - M.0180433;
MP.0039904 - MP.0039905**

317. *Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt*: *Đoàn Tuấn*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 293tr.; 23cm.

**895.92234 L462N/M.0017671 - M.0017672; MP.0040136 -
MP.0040137; VV.0019250 - VV.0019251**

318. *Lửa tình chiến trận*: *Phạm Thanh Quang*. - H.: Dân trí, 2022. - 285tr.; 21cm.

**895.92234 L551T/M.0181102 - M.0181103; MP.0040454;
VN.0083662 - VN.0083663**

319. *Mẹ*: Trường ca/ *Trần Thế Tuyển*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 98tr.; 21cm.

895.92214 M200/M.0180894 - M.0180895; MP.0040327

320. *Miền ký ức*: Truyện và ký/ *Nguyễn Thanh Hoàng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 163tr.; 19cm.

**895.92234 M305K/LC.0016532 - LC.0016533; M.0180496
- M.0180497; MP.0039986 - MP.0039987**

321. *Một đời tự tại*: *Quý Tiệp Lâm; Nguyễn Vĩnh Chi dịch*. - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 356tr.; 19cm.

895.18608 M458Đ/M.0180928 - M.0180929

322. *Một thời để nhớ*: Ký/ *Hồ Duy Thiện*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 288tr.; 21cm.

**895.9228408 M458T/LC.0016540; M.0180886 -
M.0180887; MP.0040321; VN.0083560 - VN.0083561**

323. *Nắm trái buồn vui ngắm nhìn nhân thế/ Tôn Diễn; Tổ Hình dịch.* - H.: Thanh niên, 2021. - 256tr.; 21cm.

895.136 N253T/M.0180588 - M.0180589; MP.0040064 - MP.0040065

324. *Ngũ ngon nhé, nàng thơ:* Truyện dài/ *Nguyễn Dương Quỳnh.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 246tr.; 20cm.. - (Văn học tuổi 20)

895.92234 Ng500N/M.0180428 - M.0180429; MP.0039900 - MP.0039901

325. *Nguyễn Đình Chiểu:* Danh nhân văn hóa thế giới. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 946tr.; 24cm.

895.92212 Ng527Đ/VV.0019552

326. *Người phá vỡ chứng cứ ngoại phạm/ Seiichiro Oyama; Liên Vũ dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 350tr.; 19cm.

895.636 Ng558P/M.0180618 - M.0180619; MP.0040094 - MP.0040095

327. *Người thầy Nguyễn Bách Khoa/ Kiều Mai Sơn biên soạn.* - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 262tr.; 21cm.

895.92283209 Ng558T/M.0180200 - M.0180201; MP.0039676 - MP.0039677; VN.0083358 - VN.0083359

328. *Như cây phong ba trên đảo Hoàng Sa/ Lê Văn Chương.* - In lần thứ 3 có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022; 23cm.

T.1: Trên quê hương Hải đội Hoàng Sa. - 305tr.

895.9228403 Nh550C/M.0180108 - M.0180109; MP.0039886 - MP.0039887; VV.0019175 - VV.0019176

T.2: Những cư dân Hoàng Sa kiên cường. - 350tr.

895.9228403 Nh550C/M.0180106 - M.0180107;
MP.0039884 - MP.0039885; VV.0019173 - VV.0019174

T.3: "Đừng bỏ chạy khi thấy tàu hải giám". - 287tr.

895.9228403 Nh550C/M.0180104 - M.0180105;
MP.0039882 - MP.0039883; VV.0019171 - VV.0019172

329. *Những bữa cơm hoài niệm ở trạm mèo con/ Yuta Takahashi; Phạm Bích dịch.* - H.: Văn học, 2022. - 299tr.; 19cm.

895.636 Nh556B/M.0180930 - M.0180931; MP.0040362
- MP.0040363

330. *Những người lính bắn tỉa: Tiểu thuyết/ Nguyễn Chí Dũng.* - H.: Hồng Đức, 2022. - 262tr.; 19cm.

895.92234 Nh556N/M.0181489 - M.0181490;
MP.0040522; VN.0083796 - VN.0083797

331. *Phố: Tiểu thuyết/ Chu Lai.* - H.: Thanh niên, 2019. - 471tr.; 21cm.

895.922334 Ph450/M.0180360 - M.0180361;
MP.0039832 - MP.0039833

332. *Rồng lửa ĐKB - Đường đến vinh quang: Hồi ức/ Mai Vĩnh Quý.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 168tr.; 21cm.

895.9228403 R455L/LC.0016687 - LC.0016688;
M.0180872 - M.0180873; MP.0040314; VN.0083574 - VN.0083575

333. *Sáng mãi ngọn lửa Hải Vân: Bút ký/ Lê Văn Thom.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 256tr.; 21cm.

895.9228403 S106M/M.0181606 - M.0181607;
MP.0040579; VN.0083912 - VN.0083913

334. *Sự thật bị che khuất: Tiểu thuyết trinh thám/ Bách Niên Như Ca; Đinh Quang Anh dịch.* - H.: Văn học, 2022. - 459tr.; 22cm.

895.136 S550T/M.0180954 - M.0180955; MP.0040386 -
MP.0040387

335. *Thế giới anh hùng của bà ngoại/ Triệu Đình; Mỡ dịch.* - H.: Thế giới, 2021. - 309tr.; 21cm.

895.136 Th250G/M.0180582 - M.0180583; MP.0040058 - MP.0040059

336. *Thế giới trong quả trứng/ Mutsumi Ishii; Vương Hải Yến dịch.* - H.: Văn học, 2022. - 230tr.; 19cm.

895.63 Th250G/M.0180960 - M.0180961; MP.0040392 - MP.0040393

337. *Thơ Xuân Quỳnh/ Xuân Quỳnh.* - H.: Văn học, 2022. - 135tr.; 18cm.

895.922134 Th460X/M.0180964 - M.0180965; VN.0083606 - VN.0083607

338. *Tiệm chế tác hộp nhạc lập dị và phiên nhiều/ Asako Takiwa; Ngọc Lộ dịch.* - H.: Văn học, 2022. - 329tr.; 21cm.

895.636 T304C/M.0180948 - M.0180949; MP.0040380 - MP.0040381

339. *Tiệm dệt hồi sức ẩn trong sương/ Yuta Takahashi; Trương Mỹ Linh dịch.* - H.: Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 334tr.; 21cm.

895.636 T304D/M.0180934 - M.0180935; MP.0040366 - MP.0040367

340. *Tiếng dương cầm Đại tướng: Trường ca/ Nguyễn Minh Khiêm.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 167tr.; 19cm.

895.92214 T306D/LC.0016536 - LC.0016537; M.0180494 - M.0180495; MP.0039984 - MP.0039985

341. *Tình yêu và nỗi nhớ: Tập truyện ngắn/ Hồng Huyền.* - H.: Hồng Đức, 2022. - 255tr.; 19cm.

895.92234 T312Y/M.0180614 - M.0180615; MP.0040090 - MP.0040091

342. Tổ quốc từ ngọn sóng Trường Sa: Tập ký sự/ *Nguyễn Thị Thanh Vĩnh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 199tr.; 19cm.

895.9228403

T450Q/LC.0016653 - LC.0016654

343. Trở về với sói/ Lý Vi Y; An Lạc group dịch. - H.: Văn học, 2022. - 535tr.; 21cm.

895.136

Tr460V/M.0180956 - M.0180957; MP.0040388 - MP.0040389

344. Trúng số độc đắc: Tiểu thuyết/ *Vũ Trọng Phụng*. - H.: Văn học, 2022. - 303tr.; 21cm.

895.922332

Tr513S/M.0180756 - M.0180757

345. Trưởng thành từ chiến sĩ/ Nguyễn Xuân Bình. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 530tr.; 21cm.

895.9228403

Tr561T/LC.0016669 - LC.0016670; M.0180870 - M.0180871; MP.0040311; VN.0083540 - VN.0083541

346. Tướng về hưu những truyện khác: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Huy Thiệp*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 495tr.; 23cm.

895.922334

T561V/M.0180410 - M.0180411; MP.0039878 - MP.0039879

347. Về: Tập truyện/ *Chu Thùy Anh*. - H.: Văn học, 2022. - 195tr.; 21cm.

895.92234

V250/M.0180690 - M.0180691; MP.0040165 - MP.0040166

348. Về miền yêu thương: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Huy Bang*. - H.: Hội nhà văn, 2022. - 281tr.; 21cm.

895.92234

V250M/M.0180198 - M.0180199; MP.0039674 - MP.0039675

900 – LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

950 – Lịch sử châu Á

349. Ở Đông Dương = *En Indochine*/ Gaston Donnet; Ng.dịch: Ninh Thị Sinh, Cù Thị Dung. - H.: Thế giới, 2022. - 319tr.; 24cm.
959 O460Đ/M.0181398 - M.0181399; VV.0019493 - VV.0019494

350. *Bác Hồ - Những câu chuyện và bài học*/ Chu Đức Tính. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 139tr.; 15cm.
959.704092 B101H/M.174135 - M.174136 - M.174137, M.0181518 - M.0181519; MP.0034837 - MP.0034838, MP.0040526 - MP.0040527; VN.0083836 - VN.0083837

351. *Bách khoa thư làng Việt cổ truyền*/ Bùi Xuân Đính. - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 951tr.; 27cm.
959.7 B102K/M.0180055; VV.0019165 - VV.0019166

352. *Bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam trước các mối đe dọa an ninh phi truyền thống*/ Đàm Trọng Tùng. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 291tr.; 21cm.
959.70442 B108V/M.0180064 - M.0180065; MP.0039563 - MP.0039564; VN.0083290 - VN.0083291

353. *Các di tích đền - tháp, thành - lũy Champa ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Quảng. - H.: Khoa học xã hội, 2022. - 446tr.; 24cm.
959.7 C101D/VV.0019591 - VV.0019592

354. *Cách chúng tôi làm: Chương trình bí mật xâm nhập miền Bắc Việt Nam 1961 - 1964*/ Thomas L. Ahern; Nguyễn Văn Cương dịch. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 130tr.; 21cm.
959.7043 C102C/M.0180080 - M.0180081; MP.0039579 - MP.0039580; VN.0083298 - VN.0083299

355. *Chủ tịch Hồ Chí Minh và tình hữu nghị Việt Nam - Lào - Campuchia.* - Tái bản. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 183tr.; 21cm.

**959.704092 Ch500T/M.0180206 - M.0180207;
MP.0039682 - MP.0039683; VN.0083364 - VN.0083365**

356. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nước Châu Á.* - Tái bản. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 267tr.; 21cm.

**959.704092 Ch500T/M.0180202 - M.0180203;
MP.0039678 - MP.0039679; VN.0083360 - VN.0083361**

357. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Nga.* - Tái bản. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 206tr.; 21cm.

**959.704092 Ch500T/M.0180204 - M.0180205;
MP.0039680 - MP.0039681; VN.0083362 - VN.0083363**

358. *Chuyện kể Bác Hồ - Những năm tháng hoạt động của Bác Hồ ở nước ngoài (1911 - 1941).* - H.: Dân trí, 2018. - 219tr.; 19cm.. - (Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh)

**959.704092 Ch527K/M.0180612 - M.0180613;
MP.0040088 - MP.0040089**

359. *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn/ Đỗ Quỳnh Nga.* - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022. - 395tr.; 24cm.

**959.702 C455C/M.0180056 - M.0180057; MP.0039556 -
MP.0039557; VV.0019167 - VV.0019168**

360. *Di sản đặc thù của Việt Nam kinh đô Huế/ Đỗ Bang chủ biên.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. - 307tr.; 24cm.

**959.74903 D300S/M.0180184 - M.0180185; MP.0039660 -
MP.0039661; VV.0019195 - VV.0019196**

361. *Đất và người vùng ATK Chợ Đồn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 200tr.; 19cm.

**959.7 Đ124V/LC.0016538; VN.0083536 -
VN.0083537**

**362. Điện Biên Phủ trên không - Bản hùng ca bất tử/ Nguyễn
Phương Điện.** - Tái bản. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 352tr.; 21cm.

**959.704331 Đ305B/M.0181600 - M.0181601;
MP.0040576; VN.0083906 - VN.0083907**

**363. Đình Tiên Hoàng và công cuộc thống nhất đất nước/ Gia Minh
biên soạn.** - H.: Hồng Đức, 2022. - 216tr.; 21cm.

**959.7021092 Đ312T/M.0180704 - M.0180705;
MP.0040179 - MP.0040180**

363. Gặp Bác nơi rừng thẳm: Bút ký - Tư liệu/ *Đồng Khắc Thọ.* - H.:
Quân đội nhân dân, 2022. - 204tr.; 21cm.

**959.704092 G117B/LC.0016719 - LC.0016720;
M.0181610 - M.0181611; MP.0040581; VN.0083916 - VN.0083917**

364. Hải trình chí lược/ Phan Huy Chú. - H.: Nxb. Hà Nội, 2021. -
254tr.; 24cm.

**915.9804 H103T/M.0180168 - M.0180169; MP.0039644 -
MP.0039645; VV.0019179 - VV.0019180**

365. Hành trình vĩ đại/ Ánh Dương biên soạn. - H.: Thanh niên, 2022.
- 175tr.; 21cm.

**959.704092 H107T/M.0180708 - M.0180709;
MP.0040183; VN.0083510 - VN.0083511**

366. Huyền thoại trong lòng đất/ Mã Thiện Đồng. - Tái bản lần 1. -
H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 312tr.; 21cm.

**959.7043 H527T/LC.0016520; M.0180476 - M.0180477;
MP.0039972; VN.0083445 - VN.0083446**

367. Kể chuyện vị tướng thiên tài Nguyễn Huệ. - H.: Hồng Đức,
2022. - 216tr.; 21cm.

**959.7028092 K250C/M.0180698 - M.0180699;
MP.0040173 - MP.0040174**

368. *Không phải huyền thoại*: Tiểu thuyết lịch sử đầu tiên về đại tướng Võ Nguyên Giáp trong chiến dịch Điện Biên Phủ/ *Hữu Mai*. - In lần thứ 11. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 585tr.; 24cm.

**959.704092 Kh455P/M.0180408 - M.0180409;
MP.0039876 - MP.0039877; VV.0019228 - VV.0019229**

369. *Ký ức "Làng Hồng"*/ Võ Cao Lợi. - H.: Quân đội nhân dân, 2023. - 504tr.; 22cm.

**959.753043 K600U/LC.0016796 - LC.0016797;
M.0181592 - M.0181593; MP.0040573; VN.0083898 - VN.0083899**

370. *Lịch sử Văn minh thế giới*/ Will Durant; Huỳnh Ngọc Chiến dịch. - H.: Khoa học xã hội, 2021; 22cm.

Ph.1: Di sản phương Đông; T.1: Thiết lập nền văn minh và văn minh vùng cận đông. - 622tr.

**956 L302S/M.0181042 - M.0181043; VN.0083616 -
VN.0083617**

Ph.1: Di sản Phương Đông; T.2: Văn minh Ấn Độ và các nước láng giềng. - 421tr.

**954 L302S/M.0181044 - M.0181045; VN.0083618 -
VN.0083619**

Ph.1: Di sản Phương Đông; T.3: Văn minh Trung Hoa Nhật Bản. - 525tr.

**951 L302S/M.0181046 - M.0181047; VN.0083620 -
VN.0083621**

371. *Lịch sử Văn minh thế giới*/ Will Durant; Phan Thanh Lưu dịch. - H.: Khoa học xã hội, 2022; 22cm.

Ph.2: Đời sống Hy Lạp; T.1: Đời sống Hy Lạp cổ đại. - 392tr.

949.5 L302S/M.0181048 - M.0181049; VN.0083622 - VN.0083623

Ph.2: Đời sống Hy Lạp; T.2: Thời Hoàng Kim. - 347tr.

949.5 L302S/M.0181050 - M.0181051; VN.0083624 - VN.0083625

Ph.2: Đời sống Hy Lạp; T.3: Sự suy tàn và sụp đổ của nền tự do Hy Lạp. - 368tr.

949.5 L302S/M.0181052 - M.0181053; VN.0083626 - VN.0083627

372. Lịch sử Văn minh thế giới/ Will Durant; Huỳnh Ngọc Chiến dịch. - H.: Khoa học xã hội, 2022; 22cm.

Ph.3: Caesar và Christ; T.1: Cộng hòa - cách mạng. - 441tr.

909 L302S/M.0181054 - M.0181055; VN.0083628 - VN.0083629

Ph.3: Caesar và Christ; T.2: Thời kỳ nguyên thủ. - 523tr.

909 L302S/M.0181056 - M.0181057; VN.0083630 - VN.0083631

Ph.3: Caesar và Christ; T.3: Đế quốc và sơ kỳ thiên chúa giáo: Đế quốc và sơ kỳ thiên chúa giáo. - 477tr.

909 L302S/M.0181058 - M.0181059; VN.0083632 - VN.0083633

373. Lịch sử Văn minh thế giới/ Will Durant, Ariel Durant; Phạm Viêm Phương dịch. - H.: Khoa học xã hội, 2021; 22cm.

Ph.9: Thời đại Voltaire; T.1: Văn minh nước Pháp. - 397tr.

944.034 L302S/M.0181060 - M.0181061; VN.0083634 - VN.0083635

Ph.9: Thời đại Voltaire; T.2: Văn minh Anh Quốc. - 446tr.

942.07 L302S/M.0181062 - M.0181063; VN.0083636 - VN.0083637

Ph.9: Thời đại Voltaire; T.3: Trung Âu và Tiến bộ của kiến thức. - 452tr.

943.05 L302S/M.0181064 - M.0181065; VN.0083638 - VN.0083639

Ph.9: Thời đại Voltaire; T.4: Cuộc công kích thiên chúa giáo. - 409tr.

909 L302S/M.0181066 - M.0181067; VN.0083640 - VN.0083641

374. *Lịch sử Văn minh thế giới/ Will Durant, Ariel Durant; Bùi Xuân Linh dịch.* - H.: Khoa học xã hội, 2020; 22cm.

Ph.10: Rousseau và cách mạng; T.1: Nước Pháp trước cơn đại hồng thủy. - 522tr.

944.034 L302S/M.0181068 - M.0181069; VN.0083642 - VN.0083643

Ph.10: Rousseau và cách mạng; T.2: Nam Âu công giáo. - 455tr.

940.2 L302S/M.0181070 - M.0181071; VN.0083644 - VN.0083645

Ph.10: Rousseau và cách mạng, T.3: Bắc Âu tin lành. - 413tr.

948 L302S/M.0181072 - M.0181073; VN.0083646 - VN.0083647

Ph.10: Rousseau và cách mạng, T.4: Nước Anh thời Samuel Johnson. - 379tr.

942 L302S/M.0181402 - M.0181403; VN.0083732 - VN.0083733

Ph.10: Rousseau và cách mạng; T.5: Hồi giáo, Đông Âu và nước Pháp phong kiến sụp đổ : Hồi giáo, Đông Âu và nước Pháp phong kiến sụp đổ. - 533tr.

**909 L302S/M.0181074 - M.0181075; VN.0083648 -
VN.0083649**

375. *Lịch sử Văn minh thế giới/ Will Durant, Ariel Durant; Bùi Xuân Linh dịch.* - H.: Khoa học xã hội, 2021; 22cm.

Ph. 11: Thời đại Napoleon; T.1: Đại cách mạng Pháp : Đại cách mạng Pháp. - 372tr.

**944 L302S/M.0181076 - M.0181077; VN.0083650 -
VN.0083651**

Ph.11: Thời đại Napoleon; T.2: Triều đại Napoleon : Triều đại Napoleon. - 407tr.

**944 L302S/M.0181078 - M.0181079; VN.0083652 -
VN.0083653**

Ph.11: Thời đại Napoleon; T.3: Văn minh Anh Quốc. - 479tr.

**940.27 L302S/M.0181080 - M.0181081; VN.0083654 -
VN.0083655**

Ph.11: Thời đại Napoleon: T.4: Văn minh Âu Lục và thời đại Napoleon: Văn minh Âu Lục và thời đại Napoleon. - 539tr.

**940 L302S/M.0181082 - M.0181083; VN.0083656 -
VN.0083657**

376. *Những trận chiến nổi tiếng thế giới trong thế kỷ XX/ Nguyễn Đăng Song.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 235tr.; 21cm.

**909.82 Nh556T/LC.0016691 - LC.0016692;
M.0180884 - M.0180885; MP.0040320; VN.0083562 - VN.0083563**

377. *Lịch sử Việt Nam - Những dấu ấn đầu tiên/ Lê Thái Dũng biên soạn.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2022. - 387tr.; 24cm.

**959.7 L302S/M.0180190 - M.0180191; MP.0039666 -
MP.0039667; VV.0019201 - VV.0019202**

378. *Lòng nhân ái của Bác Hồ/ Trần Đình Việt.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 497tr.; 24cm.

**959.704092 L431N/M.0180662 - M.0180663;
MP.0040140 - MP.0040141; VV.0019252 - VV.0019253**

379. *Những anh linh bất tử bảo vệ Thành cổ Quảng Trị 1972/ Trần Ngọc Long chủ biên: Đậu Xuân Luận.* - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 344tr.; 24cm.

**959.70430922 Nh556A/LCV.0002770 - LCV.0002771;
M.0180468 - M.0180469; MP.0039966; VV.0019277 - VV.0019278**

380. *Những bức di thư thành cổ/ Lê Bá Dương biên soạn.* - In lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022. - 118tr.; 20cm.

**959.747 Nh556B/M.0180414 - M.0180415; MP.0039888
- MP.0039889; VN.0083393 - VN.0083394**

381. *Niềm tin và sức mạnh chiến thắng B-52:* Tập ký. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 200tr.; 21cm.. - (50 năm Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không 1972-2022)

**959.7043 N304T/LC.0016787 - LC.0016788; M.0181602
- M.0181603; MP.0040577; VN.0083908 - VN.0083909**

382. *Red Nile:* Tiểu sử của dòng sông vĩ đại nhất thế giới/ *Robert Twigger; Ng.dịch: Bội Quỳnh, Thảo Trúc.* - H.: Thế giới, 2022. - 724tr.; 24cm.

**962 R201N/M.0181400 - M.0181401; VV.0019495 -
VV.0019496**

383. *Sách quan chế = Des Titres Civils Et Militaires Francais/ Paulus Của.* - H.: Thế giới, 2021. - 192tr.; 24cm.

**959.7029 S102Q/M.0181372 - M.0181373; VV.0019475 -
VV.0019476**

384. *Sam-2 vít cổ B-52 như thế đấy*/ Nguyễn Quang Hùng. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 160tr.; 19cm.

**959.704331 S104V/LC.0016534 - LC.0016535;
M.0180500 - M.0180501; MP.0039989; VN.0083465 - VN.0083466**

385. *Sấm trạng Trình*. - H.: Hồng Đức, 2022. - 220tr.; 21cm.

**959.7 S120T/M.0180702 - M.0180703; MP.0040177 -
MP.0040178**

386. *Sapiens*: Lược sử loài người bằng tranh/ Yuval Noah Harari, David Vandermeulen, Daniel Casanave; Trần Trí dịch. - H.: Dân trí, 2022; 28cm.

T.1: Khởi đầu của loài người. - 245tr.

**909 S109/M.0181538 - M.0181539; VV.0019573 -
VV.0019574**

T.2: Các trụ cột của nền văn minh. - 255tr.

**909 S109/M.0181536 - M.0181537; VV.0019571 -
VV.0019572**

387. *Theo dấu chân Bác Hồ*/ Phan Văn Hoàng. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 170tr.; 19cm.

**959.704092 Th205D/M.0180684 - M.0180685;
MP.0040159 - MP.0040160; VN.0083522 - VN.0083523**

388. *Theo dấu chân Phù Đổng*/ Đồng chủ biên: Ngô Văn Học, Ngô Bích Sen, Trần Danh Bảng. - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 343tr.; 24cm.

**959.731 Th205D/LCV.0002754 - LCV.0002755;
M.0180472 - M.0180473; MP.0039968; VV.0019281 - VV.0019282**

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

01. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Chuyển đổi số trong hệ thống thư viện Quân đội nhân dân Việt Nam: Hướng tới Kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống Thư viện Quân đội (15/11/1957 - 15/11/2022). - H.: Quân đội nhân dân, 2022. - 424tr.; 22cm.

026.355009597 K600Y/LC.0016643 - LC.0016644

Chuyển đổi số thư viện là quá trình thực hiện áp dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số đối với các thư viện truyền thống hoặc những thư viện được thành lập mới trong thời điểm hiện tại và tương lai. Nhằm đánh giá những kết quả ứng dụng công nghệ thông tin và bước đầu chuyển đổi số trong hệ thống thư viện Quân đội nhân dân Việt Nam; chia sẻ kinh nghiệm, đề xuất giải pháp chuyển đổi số cho các thư viện trong Quân đội nhân dân Việt Nam, từ đó, có lộ trình, kế hoạch, chương trình, giải pháp phù hợp, kịp thời, hiệu quả trong thời gian tới. Cuốn sách gồm những bài viết của các lãnh đạo, chỉ huy, nhà khoa học, nhà quản lý, cán bộ, nhân viên hoạt động trong ngành thông tin, thư viện và các lĩnh vực liên quan được tổng, chọn lọc từ Hội thảo khoa học “Chuyển đổi số của hệ thống Thư viện Quân đội nhân dân Việt Nam”. Cuốn sách gồm 4 phần:

Phần I: Chủ trương, định hướng của Chính phủ và các bộ ngành về chuyển đổi số ngành Thư viện Việt Nam.

Phần II: Nghiên cứu, trao đổi về chuyển đổi số của các cơ quan thông tin, thư viện ngoài quân đội.

Phần III: Những kết quả bước đầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của các thư viện trong quân đội.

Phần IV: Một số công nghệ mới và giải pháp công nghệ trong hoạt động thông tin, thư viện.

02. Lịch sử Văn minh Thế giới/ Will Durant; Huỳnh Ngọc Chiến, Phan Thanh Lưu, Phan Thanh Lưu... dịch. - H.: Khoa học xã hội, 2021; 22cm.

Bộ sách này có thể nói là “mảnh ghép bất biến” của lịch sử. Toàn bộ kế hoạch sách này kể về lịch sử văn minh thế giới, được chia thành 5 phần:

I. Di sản phương Đông: Nói về lịch sử văn minh của Ai Cập và vùng Cận Đông cho đến cái chết của Alexander Đại đế tại Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản cho đến thời hiện đại, kèm theo phần giới thiệu về bản chất và các yếu tố của nền văn minh.

II. Di sản Cổ đại: Nói về lịch sử văn minh Hy Lạp và La Mã, cùng lịch sử văn minh của vùng Cận Đông dưới thời thống trị của Hy Lạp La Mã.

III. Di sản thời Trung Cổ: Nói về nền văn minh châu Âu thời phong kiến và Thiên Chúa giáo; nền văn hóa Hồi giáo và Judea tại châu Á, Tây Ban Nha và nước Ý thời phục hưng.

IV. Di sản châu Âu: Nói về lịch sử văn hóa của các quốc gia châu Âu từ thời Cải Cách của đạo Tin Lành cho đến thời kỳ Cách mạng Pháp.

V. Di sản thời Hiện đại: Nói về lịch sử các phát minh và thuật trị nước, nền khoa học và triết học, tôn giáo và luân lý, văn chương và nghệ thuật từ thời Napoléon lên ngôi cho đến thời đại chúng ta.

Ph.1: Di sản phương Đông; T.1: Thiết lập nền văn minh và văn minh vùng cận đông. - 622tr.

956 L302S/M.0181042 - M.0181043; VN.0083616 - VN.0083617

Ph.1: Di sản Phương Đông; T.2: Văn minh Ấn Độ và các nước láng giềng. - 421tr.

954 L302S/M.0181044 - M.0181045; VN.0083618 - VN.0083619

Ph.1: Di sản Phương Đông; T.3: Văn minh Trung Hoa Nhật Bản. - 525tr.

951 L302S/M.0181046 - M.0181047; VN.0083620 - VN.0083621
 Ph.2: Đời sống Hy Lạp; T.1: Đời sống Hy Lạp cổ đại. - 392tr.

949.5 L302S/M.0181048 - M.0181049; VN.0083622 - VN.0083623
 Ph.2: Đời sống Hy Lạp; T.2: Thời Hoàng Kim. - 347tr.

949.5 L302S/M.0181050 - M.0181051; VN.0083624 - VN.0083625
 Ph.2: Đời sống Hy Lạp; T.3: Sự suy tàn và sụp đổ của nền tự do Hy Lạp. - 368tr.

949.5 L302S/M.0181052 - M.0181053; VN.0083626 - VN.0083627
 Ph.3: Caesar và Christ; T.1: Cộng hòa - cách mạng. - 441tr.

909 L302S/M.0181054 - M.0181055; VN.0083628 - VN.0083629
 Ph.3: Caesar và Christ; T.2: Thời kỳ nguyên thủ. - 523tr.

909 L302S/M.0181056 - M.0181057; VN.0083630 - VN.0083631
 Ph.3: Caesar và Christ; T.3: Đế quốc và sơ kỳ thiên chúa giáo: Đế quốc và sơ kỳ thiên chúa giáo. - 477tr.

909 L302S/M.0181058 - M.0181059; VN.0083632 - VN.0083633
 Ph.9: Thời đại Voltaire; T.1: Văn minh nước Pháp. - 397tr.

944.034 L302S/M.0181060 - M.0181061; VN.0083634 - VN.0083635
 Ph.9: Thời đại Voltaire; T.2: Văn minh Anh Quốc. - 446tr.

942.07 L302S/M.0181062 - M.0181063; VN.0083636 - VN.0083637
 Ph.9: Thời đại Voltaire; T.3: Trung Âu và Tiến bộ của kiến thức. - 452tr.

943.05 L302S/M.0181064 - M.0181065; VN.0083638 - VN.0083639
 Ph.9: Thời đại Voltaire; T.4: Cuộc công kích thiên chúa giáo. - 409tr.

909 L302S/M.0181066 - M.0181067; VN.0083640 - VN.0083641
 Ph.10: Rousseau và cách mạng; T.1: Nước Pháp trước cơn đại hồng thủy. - 522tr.

944.034 L302S/M.0181068 - M.0181069; VN.0083642 - VN.0083643
 Ph.10: Rousseau và cách mạng; T.2: Nam Âu công giáo. - 455tr.

940.2 L302S/M.0181070 - M.0181071; VN.0083644 - VN.0083645
 Ph.10: Rousseau và cách mạng, T.3: Bắc Âu tin lành. - 413tr.

948 L302S/M.0181072 - M.0181073; VN.0083646 - VN.0083647
 Ph.10: Rousseau và cách mạng, T.4: Nước Anh thời Samuel Johnson. - 379tr.

942 L302S/M.0181402 - M.0181403; VN.0083732 - VN.0083733
 Ph.10: Rousseau và cách mạng; T.5: Hồi giáo, Đông Âu và nước Pháp phong kiến sụp đổ: Hồi giáo, Đông Âu và nước Pháp phong kiến sụp đổ. - 533tr.

909 L302S/M.0181074 - M.0181075; VN.0083648 - VN.0083649
 Ph. 11: Thời đại Napoléon; T.1: Đại cách mạng Pháp : Đại cách mạng Pháp. - 372tr.

944 L302S/M.0181076 - M.0181077; VN.0083650 - VN.0083651
 Ph.11: Thời đại Napoléon; T.2: Triều đại Napoleon : Triều đại Napoleon. - 407tr.

944 L302S/M.0181078 - M.0181079; VN.0083652 - VN.0083653
 Ph.11: Thời đại Napoléon; T.3: Văn minh Anh Quốc. - 479tr.

940.27 L302S/M.0181080 - M.0181081; VN.0083654 - VN.0083655

Ph.11: Thời đại Napoléon: T.4: Văn minh Âu Lục và thời đại Napoleon: Văn minh Âu Lục và thời đại Napoléon. - 539tr.

940 L302S/M.0181082 - M.0181083; VN.0083656 - VN.0083657

03. Như cây phong ba trên đảo Hoàng Sa/ Lê Văn Chương. -
In lần thứ 3 có chỉnh sửa, bổ sung. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2022; 23cm.

895.9228403 Nh550C/M.0180108 - M.0180109;
MP.0039886 - MP.0039887; VV.0019175 - VV.0019176/
M.0180106 - M.0180107; MP.0039884 - MP.0039885;
VV.0019173 - VV.0019174/ M.0180104 - M.0180105;
MP.0039882 - MP.0039883; VV.0019171 - VV.0019172

Bộ sách gồm các phóng sự viết về những ngư dân kiên cường bám biển, họ hiện lên như cây phong ba trên đảo Hoàng Sa để góp phần khẳng định chủ quyền đất nước, bất chấp bão tố gian nan. Bộ sách gồm 3 tập:

T.1: Trên quê hương Hải đội Hoàng Sa. - 305tr.

Phóng sự “Con tàu chở triệu tấm lòng” bạn sẽ thấy tinh thần của những người con đất Việt hướng ra chủ quyền của Tổ quốc trên những con tàu; “Hoàng sa kỳ thú” bạn sẽ bắt gặp bao khuôn mặt với nụ cười hồi ức về những năm tháng sống ở đảo Hoàng Sa...

T.2: Những cư dân Hoàng Sa kiên cường. - 350tr.

Một số phóng sự về những ngày nóng bỏng ở vùng biển Hoàng Sa. Lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư đã kiên trì đấu tranh bằng biện pháp hòa bình, văn minh, yêu cầu Trung Quốc phải tôn trọng chủ quyền của Việt Nam và phải rút giàn khoan Hải Dương 981; hoạt động mưu sinh đa dạng của ngư dân Quảng Ngãi trên vùng biển Hoàng Sa và những tấm gương ngư dân kiên trì, anh dũng bám biển nhằm khẳng định chủ quyền biển đảo nước ta, những phong tục hay của miền biển...

T.3: "Đừng bỏ chạy khi thấy tàu hải giám". - 287tr.

Một số hoạt động mưu sinh đa dạng của ngư dân Quảng Ngãi trên vùng biển Hoàng Sa và những tấm gương ngư dân kiên trì, anh

dũng bám biển nhằm khẳng định chủ quyền biển đảo nước ta. Cuốn sách khuyến khích thanh niên trẻ thử một lần đồng hành theo ngư dân ra Hoàng Sa, đưa ra những phân tích từ sự trải nghiệm thực tế và cho thấy rằng, một chuyến xuôi ngược ra quần đảo Hoàng Sa là điều thú vị nhất trong cuộc đời.

MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	3
PHẦN I	DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI	4
000 -	Tổng quát	4
100 -	Triết học và tâm lý học.....	5
200 -	Tôn giáo.....	10
300 -	Khoa học xã hội.....	11
350 -	Hành chính và quân sự.....	34
400 -	Ngôn ngữ.....	43
600 -	Công nghệ.....	44
700 -	Nghệ thuật và giải trí.....	48
800 -	Văn học.....	49
900 -	Lịch sử và địa lý.....	62
PHẦN II	ĐIỂM SÁCH.....	71
1.	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Chuyển đổi số trong hệ thống thư viện Quân đội nhân dân Việt Nam	71
2.	Lịch sử Văn minh thế giới	72
3.	Như cây phong ba trên đảo Hoàng Sa	75